https://halalghc.com	HALAL CERTIFICATION BODY **GHC GLOBAL HALAL CERTIFICATION CO ., LTD** **- GHC HALAL -**

Procedure No.: **REG.01**	*Version:* **02**	*Effective date:* **03/05/2024**

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỨNG NHẬN HALAL /

GENERAL REGULATION OF HALAL CERTIFICATION

Soạn/ ***Compiled by***	**A Sy Ná** **(Ha Sa Nah)**	**Chức danh/*Position:*** Phụ trách Phòng điều phối Chứng nhận / ***Head of Certification Coordination Department***	(*Signature*)
Phê duyệt bởi ***/Approved by***	**Đạo Thanh Him** ***(Ibrahim Yahya)***	(*Stamp*)	(*Signature*)

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU / *DISTRIBUTION OF DOCUMENTS*

1. Ban Giám đốc/*Board of directors*	☒	4. Ban chuyên gia về các vấn đề Hồi giáo Halal (Ban Cố vấn Shariah)/*Halal Islamic affairs expert Committee*	☒
2. Phòng Điều phối Chứng nhận/ *Certification Coordination Department*	☒	5. Hội đồng đảm bảo khách quan/ *Committee for Safeguarding Impartiality*	☒
3. Phòng quản lý Chuyên gia/ *Auditors Management Department*	☒	6. Phòng Hành chính, Tổng hợp/ *Department of Administration, General*	☒

THEO DÕI HIỆU CHỈNH TÀI LIỆU / *DOCUMENT REVISION LOG*

Ngày sửa đổi/ *Date of revision*	**Tóm lược hiệu chỉnh/ *Revision summary***
11/11/2023	Ban hành lần đầu/ *First issue*
03/05/2024	Sửa đổi, cập nhật lần 2/ *Revised, updated 2nd time*
28/09/2024	Thay đổi mẫu chứng chỉ chứng nhận và điều chỉnh phần diễn giải quy trình ở phụ lục để ngắn gọn, dễ hiểu hơn.

1. Mục đích	**1. Purpose**
Tài liệu này quy định một số nguyên tắc cơ bản phù hợp với yêu cầu của các Tiêu chuẩn ISO/IEC 17021; ISO/IEC 17065, GSO 2055-2:2021, JAKIM.HH/900-6/51 (2017), HAS 23000:2 (2012), TCVN 13888:2023, …. Hoặc các Tiêu chuẩn nước ngoài tiêu chuẩn của các Hội/Hiệp hội trên thế giới và Tiêu chuẩn Việt Nam mà GHC áp dụng trong quá trình đánh giá, chứng nhận sản phẩm/dịch vụ/quá trình phù hợp tiêu chuẩn Halal.	This document specifies a number of basic principles in accordance with the requirements of the ISO/IEC 17021 Standards; ISO/IEC 17065, GSO 2055-2:2021, JAKIM. HH/900-6/51 (2017), HAS 23000:2 (2012), TCVN 13888:2023, ... Or foreign standards, standards of associations/coalitions around the world and Vietnamese standards that GHC applies in the process of evaluating and certifying products/services/processes in conformity with Halal standards.
2. Phạm vi áp dụng	**2. Scope of application**
Tài liệu này được cung cấp cho các khách hàng đăng ký chứng nhận sản phẩm/dịch vụ/quá trình phù hợp tiêu chuẩn Halal với GHC.	This document is provided to customers who apply for certification of products/services/processes that conform to Halal standards with GHC.
3. Tài liệu tham chiếu	**3. References**
- GSO 2055-2:2021: Sản phẩm Halal - Phần 2: Yêu cầu chung đối với tổ chức cấp chứng nhận Halal; *- JAKIM.HH/900-6/51 (2017): Thủ tục bổ nhiệm tổ chức chứng nhận halal nước ngoài.* *- HAS 23000:2 (2012): Yêu cầu chứng nhận Halal: Chính sách và thủ tục.* *- TCVN 13888:2023: Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ halal.* *- ISO/IEC 17021-1:2015: Đánh giá sự phù hợp, Yêu cầu đối với Tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý – Phần 1: Các yêu cầu;* *- ISO/IEC 17065:2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng*	*- GSO 2055-2:2021: Halal products – Part 2: General Requirements for Halal Certification Bodies;* *- JAKIM.HH/900-6/51 (2017): Procedures for appointment of foreign Halal certification bodies.* *- HAS 23000:2 (2012): Halal Certification Requirements: Policies and Procedures.* *- TCVN 13888:2023: Conformity assessment - Requirements for bodies certifying Halal products, processes and services.* *- ISO/IEC 17021-1:2015: Conformity assessment — Requirements for bodies providing audit and certification of management systems* *- ISO/IEC 17065:2012: Conformity assessment — Requirements for bodies certifying products, processes and services*

nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ.	
4. Thuật ngữ, định nghĩa và trách nhiệm	**4. Terms, Definitions and Responsibilities**
4.1 Thuật ngữ, định nghĩa	**4.1 Terms, definitions**
2.1 Quy tắc Hồi giáo (khoản 3.1, GSO 2055-2:2021): Nó có nghĩa là những gì mà ALLAH(swt) được quy định dành cho tín đồ người Hồi giáo (Islam) và bắt buộc phải tuân theo Thiên Kinh Qur'an và đường lối của vị thiên sứ đáng kính MUHAMMAD(saw).	**2.1 Islamic rules** *(Clause 3.1, GSO 2055-2:2021)* It means what ALLAH legislates for Muslims as per the Holy Qur'an, and the practices (Sunnah) of honourable Prophet Mohammed (peace be upon him).
2.2. Halal *(khoản 3.3, MS 1500:2019):* Bất kỳ điều gì hợp luật và được cho phép trong Hồi giáo dựa trên luật Shariah và fatwa.	**2.2. Halal** *(clause 3.3, MS 1500:2019):* Matters that are lawful and permitted in Islam based on the Shariah law and fatwa.
2.3. Non-Halal *(khoản 3.3.1, MS 1500:2019):* Bất kỳ điều gì không hợp luật và bị cấm trong Hồi giáo dựa trên luật Shariah và fatwa. Ghi chú: Non-halal cũng coi như là Haram	**2.3. Non-Halal** *(Clause 3.3.1, MS 1500:2019):* Matters that are unlawful and prohibited in Islam based on the Shariah law and fatwa. NOTE. Non-halal is also known as haram.
2.4. Thực phẩm Halal *(khoản 3.4, MS 1500:2019):* Thực phẩm Halal là thức ăn và đồ uống và/hoặc các thành phần chế biến thực phẩm này được cho phép bởi luật Shariah và fatwa, và đáp ứng các điều kiện sau: a) Không chứa bất cứ bộ phận hoặc thứ gì từ động vật bị cấm theo luật Shariah và fatwa cho người Hồi giáo sử dụng hoặc bất cứ bộ phận hoặc thứ gì từ động vật không được giết mổ theo quy định của luật Shariah và fatwa; b) Không chứa najs (không tinh khiết) theo quy định của luật Shariah và fatwa; c) Không độc hại theo luật Sharia và fatwa; d) Không chứa bộ phận cơ thể con người hoặc dẫn xuất của chúng không được cho phép bởi luật Shariah và fatwa.	**2.4. Halal food** *(Clause 3.4, MS 1500:2019):* Halal food covers foods and beverages and/or their ingredients permitted under the Shariah law and fatwa, and fulfill the following conditions: a) does not consist of or contains any part of matter of an animal that is prohibited by Shariah law and fatwa for a Muslim to consume or that has not been slaughtered in accordance with Shariah law and fatwa; b) does not contain anything which is najs (impure) according to Shariah law and fatwa; c) does not intoxicate according to Shariah Law and fatwa; d) does not contain any part of a human being or its yield which are not allowed by Shariah law and fatwa; e) is not poisonous or hazardous to health;

e) Không gây ngộ độc hoặc không gây nguy hiểm cho sức khỏe; f) Không được chuẩn bị, chế biến hoặc sản xuất sử dụng thiết bị bị nhiễm chất dơ (không tinh khiết) theo luật Sharia và fatwa; và g) Trong quá trình sơ chế, chế biến, hoặc lưu trữ và phân phối, không được tiếp xúc trộn lẫn hoặc gần bất kỳ sản phẩm nào không tuân thủ điều 3.4 (a) và b) ở trên	f) has not been prepared, processed or manufacture using any instrument that is contaminated with najs (impurity) according to Shariah law and fatwa; and g) has not in the course of preparing, processing or storing been in contact with mixed, or in close proximity to any food that fails to satisfy items 3.4 (a) and (b).
2.5. Halal slautering *(khoản 3.5, MS 1500:2019):* Giết mổ Halal là hành động giết động halal còn sống bởi người Hồi giáo bằng việc cắt khí quản (halqum), thực quản (mari') và cả động mạnh chính và tĩnh mạch cổ (wadajain) của động vật sử dụng dụng cụ sắc bén theo sự mong muốn của Allah.	**2.5. Halal slautering** *(Clause 3.5, MS 1500:2019):* Halal slaughtering refers to an act of killing alive and halal animal by a Muslim through severance of trachea (halqum), oesophagus (mari') and both the carotid arteries and jugular veins (wadajain) of the animal using a sharp tool with the intention due to Allah.
2.6. Najs-chất dơ *(khoản 3.6, MS 1500:2019):* Chất dơ là những thứ không tinh khiết theo luật Hồi giáo và fatwa; Najs theo luật Shariah là: a) thịt chó và thịt lợn và các sản phẩm hoặc dẫn xuất từ hai loại thực phẩm này; b) thực phẩm halal đã bị các đồ vật không phải là halal gây ô uế; c) thực phẩm halal tiếp xúc trực tiếp với các đồ vật không phải là halal; d) bất cứ chất lỏng hoặc vật do con người hoặc con vật bài tiết như nước tiểu, máu, dịch nôn mửa, mủ, nhau thai và phân e) xác động vật hoặc động vật halal không được giết mổ theo quy định của luật Shariah và fatwa ngoại trừ động vật dưới nước và những côn trùng nhất định; và	**2.6. Najs-dirty substances** *(clause 3.6, MS 1500:2019):* Dirty substances are things that are impure according to Islamic law and fatwa; Najs according to Shariah law are: a) dogs, pigs and their descendants or derivatives; b) halal food that is contaminated with matters that are non-halal; c) halal food that comes into direct contact with matters that are non-halal; d) any liquid and objects discharged from the orifices of human beings or animals such as urine, blood, vomit, pus, excrement and placenta; e) carrion or halal animals that are not slaughtered according to Shariah law and fatwa except for aquatic animals and certain insects; and f) khamr1 and food or beverages or

f) khamar1 và thực phẩm hoặc đồ uống có chứa hoặc trộn lẫn với khamar.(cồn) Có ba loại najs: a) al-mughallazah đặc biệt được coi là najs như thịt chó và thịt lợn (khinzir) gồm có bất cứ chất lỏng hoặc vật do các con vật này bài tiết và có chiết xuất từ các con vật này; b) al-mukhaffafah không đặc biệt được coi là najs. Najs trong trường hợp lày là nước tiểu của bé trai ở tuổi lên hai hoặc nhỏ tuổi hơn mà không ăn các thực phẩm khác ngoại trừ sữa mẹ; và c) al-mutawassitah được coi là najs ở cấp độ trung bình không nằm trong danh sách những vật đặc biệt được coi là najs hoặc không đặc biệt được coi là najs như chất nôn mửa, mủ, máu, khamar, xác chết đã thối rữa, chất lỏng và vật do người và động vật phóng ra,…	items which contain or are mixed with khamr. There are three categories of najs: a) al-mughallazah which is considered as severe najs which are dogs and pigs (khinzir) including any liquid and objects discharged from their orifices, descendants and derivatives; b) al-mutawassitah which is considered as medium najs which does not falls under severe or light najs such as vomit, pus, blood, khamr, carrion, liquid and objects discharged from the orifices, etc.; and c) al-mukhaffafah which is considered as light najs. The only najs in this category is urine from a baby boy at the age of two years and below who has not consumed any other food except his mother's milk.
2.7. Tiêu chuẩn Halal: các tiêu chuẩn Halal được nêu trong quy trình này là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý cho sản phẩm, dịch vụ và quá trình đáp ứng các yêu cầu của Halal theo Luật Shariah và fatwa do các nước, các khu vực ban hành.	**2.7 Halal Standards:** the Halal standards stated in this procedure are the regulations on the technical characteristics and management requirements for products, services and processes that meet the requirements of Halal according to Shariah Law and fatwa issued by countries and regions.
2.8 Chứng chỉ Halal (*khoản 3.2, GSO 2055-2:2021*): Tài liệu xác nhận sản phẩm, dịch vụ hoặc hệ thống được xác định tuân thủ các yêu cầu của Halal theo quy định Hồi giáo; chẳng hạn như: Giấy chứng nhận giết mổ Halal, giấy chứng nhận Halal cho các cơ sở, trang trại, lò mổ và các cơ sở đi kèm được phân loại là "Halal" và giấy chứng nhận về các thành phần của sản phẩm chính, phụ gia và thành phần được kết hợp trong đó.	**2.8 Halal Certificate** *(Clause 3.2, GSO 2055-2:2021):* A document that endorses the identified product, service or systems conform to the requirements of Halal as per Islamic rules; such as: Halal slaughtering certificates, Halal certificates for facilities, farms, slaughterhouses and accompanying facilities classified as "Halal", and certificates of the components of primary products, additives and ingredients that are incorporated in the composition of meat derivatives and extracts, rennet, gelatine,

	fats, animal oils and their derivatives
2.9. Tổ chức chứng nhận Halal (*khoản 3.13, GSO 2055-2:2021*): Các Tổ chức được cơ quan có thẩm quyền công nhận để cấp giấy chứng nhận Halal.	**2.9. Halal Certification Bodies** *(Clause 3.13, GSO 2055-2:2021):* The entities accredited by the authorities to accredit halal certification bodies, to issue Halal certificates.
2.10. Tổ chức Công nhận Halal (*khoản 3.14, GSO 2055-2:2021*): Tổ chức có thẩm quyền công nhận các tổ chức chứng nhận Halal.	**2.10. Halal Accreditation Bodies** *(Clause 3.14, GSO 2055-2:2021):* The authorities authorized to accredit halal certification bodies.
2.11. Dấu hiệu/logo Halal (*khoản 3.6, GSO 2055-2:2021*): Nhãn hiệu/logo được phê duyệt được cấp cho sản phẩm/dịch vụ hoặc hệ thống Halal tuân thủ tiêu chuẩn này.	**2.11. Halal mark/ logo** *(Clause 3.6, GSO 2055-2:2021):* An approved mark/ logo that is granted to the Halal product/service or system which complies with this standard.
2.12. Chuyên gia đánh giá kỹ thuật (Technical auditor): Người có kỹ năng tiến hành một cuộc đánh giá có kiến thức, hiểu biết về sản phẩm đánh giá; Chuyên gia đánh giá kỹ thuật phải là người đạo Hồi.	**2.12. Technical auditor:** A person who has the skills to conduct an audit with knowledge and understanding of the audited product; The technical auditor must be a Muslim.
2.13. Chuyên gia về vấn đề Hồi giáo Halal (Halal Islamic affairs expert): Một người Hồi giáo có kiến thức sâu sắc và toàn diện về các yêu cầu của Halal trong Hồi giáo Sharia, hiệu quả và kiến thức khoa học của họ được khẳng định thông qua các chứng chỉ học thuật, các khóa học, khóa nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực này.	**2.13. Halal Islamic affairs expert:** A Muslim has a deep and comprehensive knowledge of the requirements of Halal in Islamic Sharia, their effectiveness and scientific knowledge are affirmed through academic certificates, courses, research courses, and training in this field.
2.14. Chuyên gia kỹ thuật (Technical expert): Người cung cấp các kiến thức hay kinh nghiệm chuyên môn cụ thể cho đoàn đánh giá;	**2.14. Technical expert:** The person who provides specific professional knowledge or experience to the audit team;
2.15. Nhân viên Phòng Điều phối Chứng nhận: là nhân viên xem xét hợp đồng, xem xét đăng ký chứng nhận Halal là nhân viên thuộc Phòng Điều phối Chứng nhận và cũng là những người xác định năng lực cần thiết của đoàn đánh	**2.15. Staff of the Certification Coordination Department:** are the employees who review contracts, consider application for Halal certification, are employees of the Certification Coordination Department and are also the ones who

giá, lựa chọn thành viên đoàn đánh giá và xác định thời lượng đánh giá.	determine the necessary competence of the audit team, select members of the audit team and determine the audit time.
2.16. Nhóm ra quyết định chứng nhận: Nhóm ra quyết định chứng nhận Halal là: Những người thực hiện thẩm xét hồ sơ và ra quyết định chứng nhận do GHC thành lập với cơ cấu tối thiểu là 03 người gồm: 02 người là chuyên gia về vấn đề Hồi giáo Halal + 01 người là chuyên gia đánh giá/chuyên gia kỹ thuật (phải là người Hồi giáo).	**2.16. Certification decision-making team:** Halal certification decision-making team is: Persons who review dossiers and issue certification decisions established by GHC with a minimum structure of 03 people, including: 02 people who are Halal Islamic affairs experts + 01 person who is an auditor/technical expert (must be Muslims).
4.2. Trách nhiệm	**4.2. Responsibilities**
- Phòng Điều phối Chứng nhận có trách nhiệm thực hiện và phổ biến quy định này cho các nhân sự có liên quan và cung cấp cho khách hàng, các đối tác có liên quan cũng như công khai lên website của GHC tại địa chỉ: https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai. - Phòng Điều phối Chứng nhận có trách nhiệm cập nhật và lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc tuân thủ thực hiện theo quy định này.	- The Certification Coordination Department is responsible for implementing and disseminating this regulation to relevant personnel and providing it to customers, relevant partners as well as publicizing it on GHC's website at the address: https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai. - The Certification Coordination Department is responsible for updating and archiving records related to compliance with this regulation.
5. Nội dung quy định	**5. Contents of regulations**
5.1. Chuẩn mực chứng nhận	**5.1. Certification standards**
5.1.1. GHC đánh giá sản phẩm/dịch vụ/quá trình phù hợp Halal dựa trên các Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021; ISO/IEC 17065, GSO 2055-2:2021, JAKIM.HH/900-6/51 (2017), HAS 23000:2 (2012), TCVN 13888:2023, … hoặc Tiêu chuẩn nước ngoài tiêu chuẩn của các Hội/Hiệp hội trên thế giới và Tiêu chuẩn Việt Nam tùy thuộc yêu cầu của khách hàng đăng ký chứng nhận và năng lực chứng nhận.	5.1.1. GHC assesses products/ services/ processes for Halal conformity based on ISO/IEC 17021 international standards; ISO/IEC 17065, GSO 2055-2:2021, JAKIM. HH/900-6/51 (2017), HAS 23000:2 (2012), TCVN 13888:2023, ... or foreign standards, standards of associations/associations around the world and Vietnamese standards, depending on the requirements of customers applying for certification and certification capacity.
5.1.2. Khi có sự thay đổi hoặc bổ sung của các tiêu chuẩn đã chứng nhận, GHC thông báo cho khách hàng về những	5.1.2. When there is a change or addition to the certified standards, GHC shall notify the client of the new or amended or

chuẩn mực chứng nhận mới hoặc chuẩn mực đã được sửa đổi, bổ sung;	supplemented certification standards;
5.1.3. Hoạt động chứng nhận sản phẩm Halal/dịch vụ Halal phù hợp tiêu chuẩn của GHC phù hợp với quy định về chứng nhận hợp chuẩn và công bố hợp chuẩn ban hành kèm theo Thông tư 28/2012/TT - BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học & Công nghệ và các Nghị định, các Thông tư hướng dẫn của các Bộ ngành theo từng lĩnh vực.	5.1.3. Certification of Halal products/ services in accordance with GHC's standards in accordance with regulations on certification of conformity and announcement of conformity issued together with Circular No. 28/2012/TT - BKHCN dated December 12, 2012 of the Minister of Science and Technology and Decrees, guiding circulars of ministries and branches in each field.
5.2. Quy trình chứng nhận Halal	**5.2. Halal certification process**

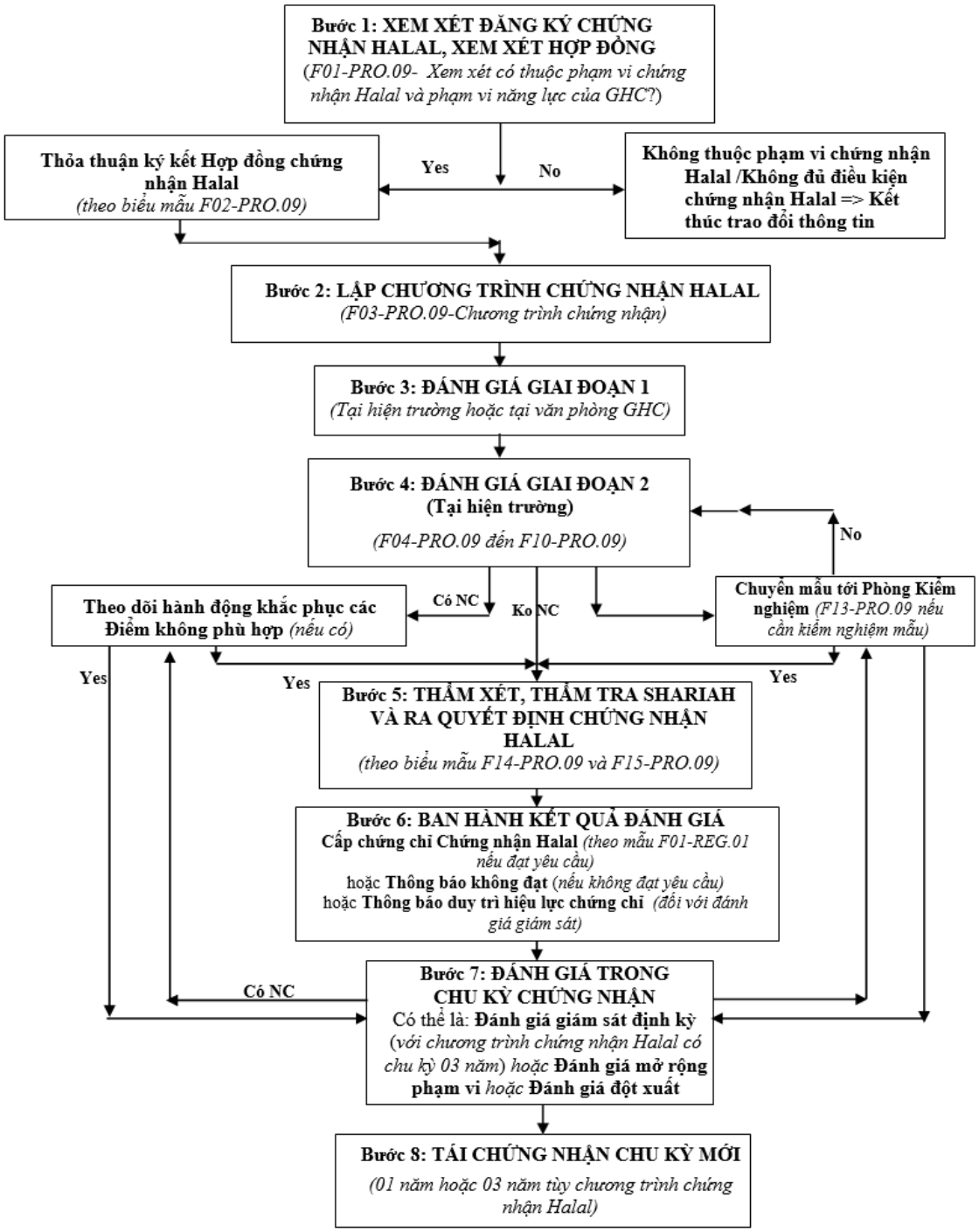

Ghi chú: *Diễn giải chi tiết các bước thực hiện tại Phụ lục 1 của Quy định này*

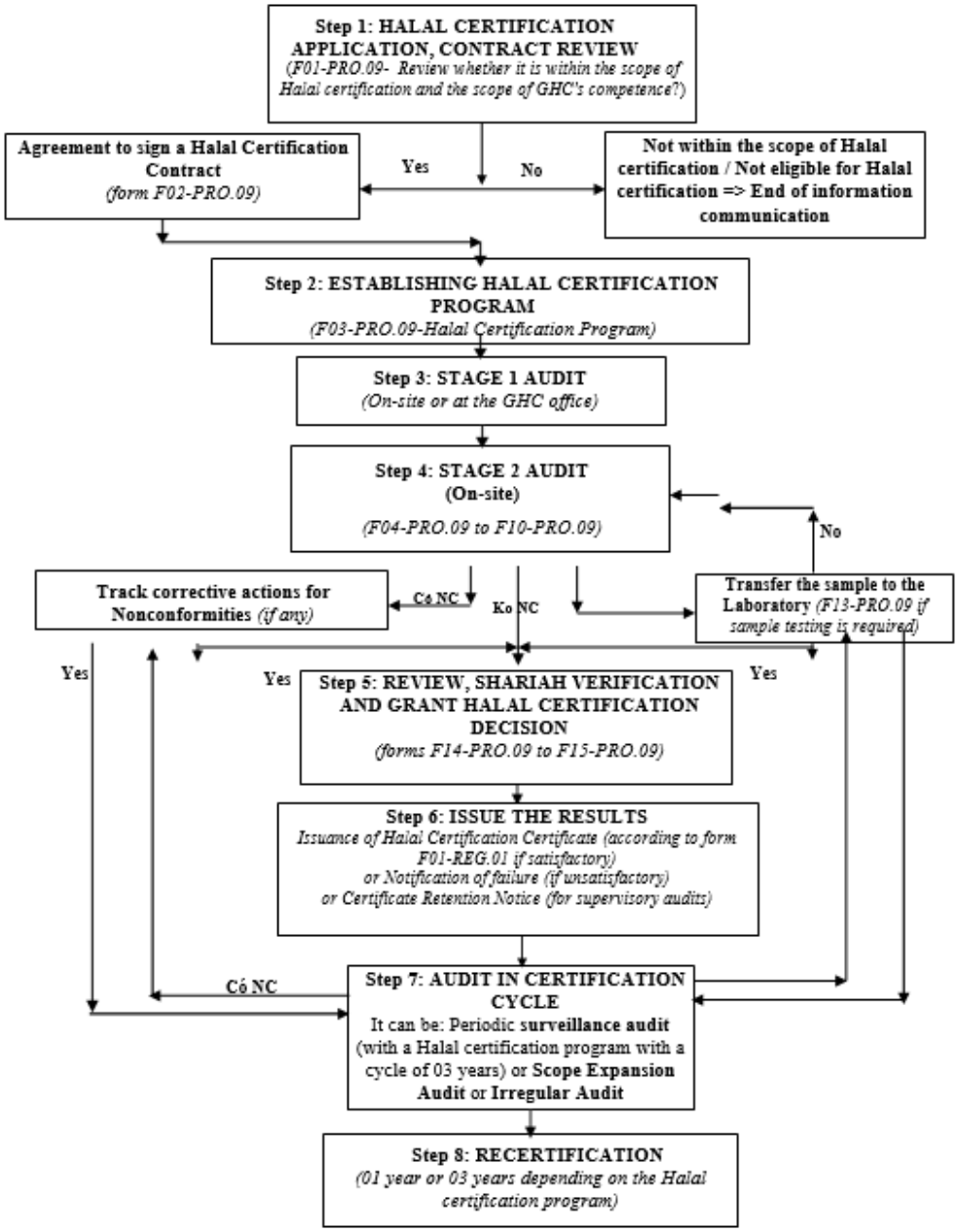

Note: *Detailed interpretation of the steps to be taken in Appendix 1 of this Regulation*

5.3. Nguyên tắc hoạt động của GHC:	**5.3. Operating principles of GHC:**
5.3.1. Đảm bảo sự nhất quán, khách quan, công bằng, không thiên vị, công khai trong hoạt động đánh giá chứng nhận sản phẩm Halal/dịch vụ Halal, bảo mật các thông tin của khách hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.	5.3.1. Ensure consistency, objectivity, fairness, impartiality and publicity in the audit and certification of Halal products/Halal services, confidentiality of customer information and take responsibility before law for its activities.
5.3.2. GHC đảm bảo tạo điều kiện cho tất	***5.3.2.*** GHC shall ensure that all parties requesting certification of Halal

cả các bên đề nghị chứng nhận sản phẩm Halal/dịch vụ Halal có có nhu cầu chứng nhận theo phạm vi năng lực mà GHC đã công bố được tiếp cận dễ dàng với các dịch vụ của GHC và sẽ không đưa ra các điều kiện tài chính, hoặc các điều kiện khác một cách phi lý. Sự tiếp cận này không phụ thuộc vào quy mô của tổ chức được chứng nhận hoặc quy chế thành viên của bất kỳ hiệp hội hoặc tập đoàn nào.	products/Halal services that wish to be certified within the scope of GHC's declared competence have easy access to GHC's services and will not provide financial conditions, or other conditions unreasonably. This access is independent of the size of the certified organization or membership status of any association or corporation.
5.3.3. Chính sách đảm bảo sự chính xác, trung thực, tin cậy, tính độc lập, khách quan, công bằng, không thiên vị trong hoạt động chứng nhận Halal của GHC a) GHC cam kết đảm bảo sự chính xác, trung thực, kịp thời, độc lập khách quan và không thiên vị trong chính sách của GHC sao cho mọi nhân viên đều cảm thấy thoải mái trong công việc, được hưởng quyền lợi xứng đáng với trách nhiệm, nhiệm vụ được giao. Mọi nhân viên đều được tiếp cận các nội quy, chính sách của GHC phù hợp với từng vị trí. b) GHC đảm bảo sự chính xác, trung thực, kịp thời, độc lập và không thiên vị trong đánh giá thông qua yêu cầu chuyên gia đánh giá và thành viên trong đoàn đánh giá, những người tham gia vào quá trình chứng nhận và thành viên Hội đồng đảm bảo khách quan và người thân, người nhà của những người này phải: - Không có mối quan hệ về tài chính với khách hàng; - Không có mối quan hệ gia đình với các lãnh đạo chủ chốt của khách hàng; - Không tư vấn cho khách hàng và không có sự mâu thuẫn về lợi ích. - Tuyệt đối không cung cấp dịch vụ tư vấn cho các khách hàng: + Không tư vấn hệ thống quản lý chất lượng/hệ thống quản lý an toàn thực phẩm	***5.3.3. Policy to ensure accuracy, honesty, reliability, independence, objectivity, fairness, and impartiality in GHC's Halal certification activities*** a) GHC is committed to ensuring accuracy, honesty, timeliness, independence, objectivity and impartiality in GHC's policies so that all employees feel comfortable at work, enjoy benefits worthy of their assigned responsibilities and tasks. All employees have access to GHC's rules and policies suitable for each position. b) GHC ensures accuracy, honesty, timeliness, independence and impartiality in the audit through the request of the auditors and members of the audit team, participants in the certification process and members of the Board to ensure impartiality and their relatives, their family members must: - There is no financial relationship with the customer; - There is no family relationship with the client's key leaders; - Not consult clients and there is no conflict of interest. - Absolutely do not provide consulting services to customers: + Do not advise on quality management system/ food safety management system

và hệ thống đảm bảo Halal cho khách hàng; + Không tư vấn về việc xây dựng bất kỳ các Tiêu chuẩn/Quy chuẩn/tài liệu nào cho khách hàng + Không tư vấn về việc xây dựng các quy trình/kế hoạch đảm bảo chất lượng/đảm bảo Halal cho khách hàng. c) Đối với các tổ chức tư vấn, GHC cam kết: - GHC không tiếp thị hoặc chào hàng cùng với các hoạt động của tổ chức tư vấn hệ thống quản lý, tổ chức tư vấn Halal. - GHC sẽ có hành động điều chỉnh các thông tin không thích hợp của tổ chức tư vấn bất kỳ nêu hoặc ám chỉ rằng việc chứng nhận Halal có thể đơn giản hơn, dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn hoặc ít chi phí hơn nếu lựa chọn tổ chức chứng nhận. GHC không nêu hoặc ám chỉ rằng việc chứng nhận có thể đơn giản hơn, dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn hoặc chi phí ít hơn nếu sử dụng tổ chức tư vấn nhất định. d) GHC quy định rằng các nhân viên đã cung cấp tư vấn hoặc làm việc cho khách hàng trong thời gian 02 năm kể từ khi kết thúc hợp đồng tư vấn sẽ không được phép xem xét hồ sơ, đánh giá hoặc đưa ra quyết định chứng nhận Halal cho khách hàng.	and Halal assurance system for customers; + Do not advise on the development of any Standards/ Regulations/ documents for customers + Do not advise on the development of quality assurance/ Halal assurance processes/ plans for customers. c) For consulting organizations, GHC commits to: - GHC does not market or offer in conjunction with the activities of management system consulting organizations, Halal consulting organizations. - GHC will take action to correct any inappropriate information of the consultancy organization stating or implying that Halal certification may be simpler, easier, faster or less costly if a certification body is selected. GHC does not state or imply that certification can be simpler, easier, faster, or less costly if certain consulting organizations are used d) GHC stipulates that employees who have provided consulting or worked for customers for a period of 02 years from the end of the consulting contract will not be allowed to review, audit or make Halal certification decisions for customers.
5.3.4. GHC đảm bảo độc lập và không thiên vị trong quyết định chứng nhận thông qua hoạt động của các thành viên trong Hội đồng đảm bảo khách quan phải đảm bảo: a) Đại diện được lợi ích cho tất cả các bên; b) Không chịu các áp lực về tài chính; công việc; tình cảm trong các quyết định của mình;	***5.3.4.*** GHC ensures independence and impartiality in Halal certification decisions through the activities of members of the Impartiality Assurance Board to ensure: a) Representing the interests of all related parties; b) Not under financial pressure;

c) Am hiểu luật pháp.	business; emotions in their decisions; c) Knowledge of the law.
5.3.5. GHC đảm bảo cung cấp cho khách hàng các thông tin về chuẩn mực chứng nhận, quy định về đánh giá và chứng nhận Halal, thủ tục cấp, duy trì, mở rộng, đình chỉ hoặc thu hồi chứng chỉ và các quy định về sử dụng logo chứng nhận, các thức tính phí đánh giá chứng nhận Halal.	***5.3.5***. GHC shall ensure to provide customers with information on certification standards, regulations on Halal audit and certification, procedures for issuance, maintenance, expansion, suspension or withdrawal of certificates and regulations on the use of certification logos, methods of calculating fees for Halal certification audit.
5.3.6. GHC nhận diện, lập danh sách các tổ chức, cá nhân có liên quan tới hoạt động đánh giá chứng nhận Halal của GHC tiềm ẩn những mối nguy dẫn đến sự không công bằng, không khách quan, có thể có thiên vị, có thể bị phân biệt đối xử, …và thiết lập các biện pháp phòng ngừa nhằm đảm bảo tính công bằng trong hoạt động đánh giá của GHC (Phụ lục 1 của SYS.02 - Sổ tay đánh giá rủi ro, khách quan và quản lý hệ thống Halal). Cung cấp Phụ lục 1 này tới các thành viên Hội đồng đảm bảo khách quan và công khai lên website của GHC tại: https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai.	***5.3.6.*** GHC identifies and makes a list of organizations and individuals involved in GHC's Halal certification audit activities that have potential risks leading to unfairness, non-impartial, possible bias, possible discrimination, etc. and establish preventive measures to ensure fairness in GHC's assessment activities (Annex 1 of SYS.02 - Manual of Risk Assessment, Impartiality and Management for Halal System). Make Appendix 1 of this Manual available to members of the Impartial Assurance Board and Public on GHC's website at: https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai.
5.3.7. GHC tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng của GHC có điều kiện tham gia quyết định lựa chọn thành phần đoàn đánh giá nếu khách hàng nhận thấy tiềm ẩn sự không công bằng, không khách quan, có thể có thiên vị, có thể bị phân biệt đối xử, … trong hoạt động đánh giá chứng nhận của GHC bởi thành phần đoàn đánh giá.	***5.3.7.*** GHC creates favorable conditions for GHC's clients to participate in the decision on the selection of audit team members if the client notices potential unfairness, non-impartial, possible bias, possible discrimination, etc. in the certification assessment activities of GHC by the members of the audit team**.**
5.3.8. GHC xây dựng cơ chế giám sát trong quá trình đánh giá nhằm đảm bảo tính công bằng, khách quan, không thiên vị, không phân biệt đối xử, … đồng thời GHC kiên quyết không sử dụng chuyên gia đánh giá nếu trong quá trình giám sát, GHC phát hiện được một chuyên gia đánh giá nào đó không khai báo rõ ràng quan hệ của mình	***5.3.8.*** GHC shall develop a monitoring mechanism in the audit process to ensure fairness, objectivity, impartiality, non-discrimination, etc. at the same time, GHC resolutely does not use an auditor/expert if, in monitoring process, GHC detects that a certain auditor does not clearly declare its relationship with

với khách hàng được đánh giá mà điểm b, khoản 5.3.3 nêu trên chưa nhận diện được.	the audited customer that Point b, Clause 5.3.3 above has not identified.
5.3.9. GHC xây dựng quy chế tài chính để đánh giá các nguồn thu nhập và công bố với các thành viên Hội đồng đảm bảo khách quan (là hội đồng độc lập hoàn toàn với hoạt động của GHC) để đảm bảo tính khách quan và công bằng của hoạt động chứng nhận Halal do GHC cung cấp, vận hành.	***5.3.9***. GHC shall develop financial regulations to evaluate sources of income and announce to the members of the Impartiality Assurance Board (which is a Board completely independent of GHC's activities) in order to ensure the impartiality and fairness of the Halal certification activities provided, operated by GHC;
5.3.10. GHC xây dựng cơ chế mã hóa mẫu đảm bảo không có thông tin khách hàng khi gửi mẫu nhằm đảm bảo kết quả thử nghiệm độc lập khách quan của hoạt động thử nghiệm phục vụ chứng nhận Halal. Việc giải mã mẫu chỉ được thực hiện khi kết quả thử nghiệm đã có, và thông tin của khách hàng trên phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có khi khách hàng đưa ra mong muốn hiển thị thông tin lên phiếu kết quả đã mã hóa.	***5.3.10***. GHC shall develop a sample coding mechanism to ensure that there is no customer information when sending samples in order to ensure independent and objective test results of testing activities in service of Halal certification. Decryption of the sample is only possible when the test results are available, and the customer's information on the test result sheet is only available when the customer expresses a desire to display the information on the encrypted result sheet.
5.3.11. GHC đảm bảo tuyển dụng hoặc tiếp cận được một số lượng đầy đủ các chuyên gia đánh giá, bao gồm chuyên gia đánh giá trưởng đoàn, và chuyên gia kỹ thuật để đảm nhiệm các hoạt động chứng nhận Halal và quản lý khối lượng công việc đánh giá nhằm cung cấp dịch vụ thuận tiện, nhanh nhất và khách quan nhất cho khách hàng.	***5.3.11***. GHC shall ensure the recruitment or access to a sufficient number of auditors, including audit team leader, and technical experts to undertake Halal certification activities and manage the audit workload in order to provide convenient services, the fastest and most impartial for customers.
5.3.12. GHC có đủ sự sắp xếp tài chính (vốn đầu tư ban đầu lớn, vốn điều lệ lớn đảm bảo hoạt động, mua bảo hiểm, thiết lập quỹ dự phòng, ….) để đảm bảo duy trì hoạt động ổn định lâu dài và chi trả cho những trách nhiệm phát sinh từ hoạt động chứng nhận Halal của mình trong các lĩnh vực hoạt động, các khu vực địa lý mình hoạt động kinh doanh.	***5.3.12***. GHC has sufficient financial arrangements (large initial investment, large charter capital to ensure operations, purchase of insurance, establishment of a reserve fund, etc.) to ensure the maintenance of long-term stable operations and to cover the liabilities arising from its Halal certification activities in the fields of operation,

	geographical areas in which they do business.
5.3.13. GHC cam kết không cung cấp dịch vụ tư vấn cho khách hàng dưới bất kỳ hình thức nào. GHC không tham gia thiết kế, phát triển, cài đặt, duy trì, vận hành, bảo dưỡng, … hay cung cấp bất kỳ các sản phẩm/dịch vụ/quá trình nào cho các khách hàng đăng ký chứng nhận với GHC hoặc đã được GHC chứng nhận.	***5.3.13***. GHC commits not to provide consulting services to clients in any form. GHC is not involved in the design, development, installation, maintenance, operation, maintenance, etc. or provide any products/ services/ processes to customers who are registered with GHC or have been certified by GHC.
5.3.14. GHC cung cấp dịch vụ chứng nhận Halal cho khách hàng không dựa trên quy mô của khách hàng (to hay nhỏ, ít hay nhiều nhân viên, ít hay nhiều loại sản phẩm…). Dịch vụ chứng nhận Halal của GHC cũng không hề quan tâm tới việc khách hàng có phải là thành viên của các hiệp hội, nhóm; việc chứng nhận Halal cho khách hàng cũng không phụ thuộc vào số lượng chứng chỉ mà GHC đã cấp. GHC cũng không đưa ra các đòi hỏi quá đáng về tài chính và các điều kiện khác so với các điều kiện trong các quy định, thủ tục của GHC và các yêu cầu của các tiêu chuẩn áp dụng cho các tổ chức chứng nhận Halal.	***5.3.14***. GHC provides Halal certification services to customers not based on the size of the customer (big or small, few or more employees, few or more types of products, etc.). GHC's Halal certification service also does not care whether the customer is a member of associations and groups; the Halal certification for customers also does not depend on the number of certificates that GHC has issued. GHC also does not make excessive financial demands and other conditions than those in GHC's regulations, procedures and the requirements of the standards applicable to Halal certification bodies.
5.3.15. GHC sẽ thông báo kịp thời về bất cứ sự thay đổi nào trong các yêu cầu chứng nhận cho khách hàng, xem xét quan điểm của các bên liên quan, công bố công khai các thay đổi về yêu cầu và kiểm tra xác nhận việc thực hiện những điều chỉnh cần thiết của khách hàng đã được chứng nhận trong khoảng thời gian chuyển đổi phù hợp.	***5.3.15***. GHC will promptly notify the client of any changes in the certification requirements, consider the views of the relevant parties, publicly publish the changes to the requirements and check and confirm the implementation of the necessary adjustments by the certified client within the appropriate transition period.
5.3.16. GHC cam kết không chứng nhận (chứng nhận Halal, hay ISO hay bất kỳ tiêu chuẩn nào) cho tổ chức chứng nhận khác.	***5.3.16***. GHC commits not to certify (Halal certification, or ISO or any other standard) to other certification bodies.
5.4. Trách nhiệm của khách hàng:	**5.4. Responsibilities of the Client:**
5.4.1. Tạo điều kiện để Chuyên gia đánh giá của GHC tiếp cận tất cả các điểm được đánh giá trong điều kiện làm việc bình	***5.4.1.*** Facilitate GHC's Auditors to access all audited points under normal working conditions and provide GHC

thường và cung cấp những thông tin cần thiết cho GHC để hoàn thiện quá trình đánh giá;	with necessary information to complete the audit process;
5.4.2. Cử người đại diện chịu trách nhiệm liên lạc với GHC. Bố trí người dẫn đường thông thạo địa hình và am hiểu những quy định về an toàn lao động của khách hàng cho đoàn đánh giá;	***5.4.2.*** Appoint a representative responsible for liaising with GHC. Arrange guides who are familiar with the terrain and are knowledgeable about the regulations on occupational safety of customers for the audit team;
5.4.3. Sử dụng Logo chứng nhận của GHC theo đúng quy định tại khoản 5.6 và 5.7 của Quy định này và cam kết không gây bất kỳ sự sai lạc nào về chứng chỉ; Khi thay đổi phạm vi hệ thống đảm bảo Halal, mọi tài liệu quảng cáo đều phải thay đổi theo;	***5.4.3.*** *Use the GHC Certification Logo in accordance with the provisions of Clauses 5.6 and 5.7 of this Regulation and undertake not to cause any misrepresentation in the certificate; When changing the scope of the Halal assurance system, all advertising materials must be changed accordingly;*
5.4.4. Không sử dụng chứng nhận Halal phù hợp Tiêu chuẩn cho các hoạt động ngoài phạm vi chứng nhận và không sử dụng chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn trong các hoạt động mang tiếng xấu cho GHC;	***5.4.4.*** Do not use Halal certification in accordance with Standards for activities outside the scope of certification and do not use certification in activities that have a bad reputation for GHC;
5.4.5. Thực hiện đầy đủ các quy định của GHC, đặc biệt về việc duy trì hệ thống, chấp nhận quyết định đình chỉ hoặc thu hồi chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn của GHC;	***5.4.5.*** Fully implement GHC's regulations, especially on maintaining the system, accepting GHC's decision to suspend or withdraw certification in conformity with GHC's standards;
5.4.6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hợp đồng đã ký với GHC;	***5.4.6.*** To fully perform the responsibilities in the contract signed with GHC;
5.4.7. Lưu giữ hồ sơ các khiếu nại do người sử dụng sản phẩm của khách hàng liên quan đến việc tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn đối với sản phẩm phù hợp mà GHC đã chứng nhận, đảm bảo rằng các hồ sơ này luôn sẵn có để GHC sử dụng khi có yêu cầu; đồng thời lưu lại các bằng chứng về các hành động thích hợp liên quan đến hoạt động giải quyết khiếu nại đó.	***5.4.7.*** Keep records of complaints/appeals made by consumers of the customer's products related to compliance with the requirements of the standard for conformity products certified by GHC, ensuring that these records are always available for use by GHC upon request; and at the same time keep evidence of appropriate actions related to such complaint settlement activities.
5.4.8. Luôn thực hiện các yêu cầu chứng nhận, bao gồm cả các thay đổi thích hợp	***5.4.8.*** Always implement certification requirements, including appropriate changes when required by GHC.

khi GHC yêu cầu.	
5.4.9. Thực hiện hành động thích hợp liên quan đến những khiếu nại đó và mọi khiếm khuyết phát hiện thấy ở sản phẩm hoặc dịch vụ làm ảnh hưởng tới việc tuân thủ các yêu cầu chứng nhận. Khách hàng phải lập văn bản đối với các hành động đã thực hiện.	***5.4.9.*** Take appropriate action in relation to such claims and any defects found in the product or service that interfere with compliance with the certification requirements. The Client must be in writing for the actions taken.
5.5. Trách nhiệm và cam kết của GHC	**5.5. GHC's Responsibilities and Commitments**
5.5.1. Thực hiện việc đánh giá, chứng nhận theo đúng yêu cầu của các tiêu chuẩn quản lý đối tới tổ chức chứng nhận Halal gồm (nhưng không giới hạn) các tiêu chuẩn sau: ISO/IEC 17021; ISO/IEC 17065, GSO 2055-2:2021, JAKIM.HH/900-6/51 (2017), HAS 23000:2 (2012), TCVN 13888:2023, …. Hoặc các Tiêu chuẩn nước ngoài tiêu chuẩn của các Hội/Hiệp hội trên thế giới và Tiêu chuẩn Việt Nam mà GHC áp dụng trong quá trình đánh giá, chứng nhận sản phẩm/dịch vụ/quá trình phù hợp tiêu chuẩn Halal.	***5.5.1.*** Carry out the audit and certification in accordance with the requirements of management standards for Halal certification organizations including (but not limited to) the following standards: ISO/IEC 17021; ISO/IEC 17065, GSO 2055-2:2021, JAKIM. HH/900-6/51 (2017), HAS 23000:2 (2012), TCVN 13888:2023, ... Or foreign standards, standards of associations/coalitions around the world and Vietnamese standards that GHC applies in the process of evaluating and certifying products/services/processes in conformity with Halal standards.
5.5.2. Xây dựng và thông báo trên website: https://halalghc.com/verify-certificate (cập nhật hàng ngày) danh mục các sản phẩm Halal/dịch vụ Halal của các khách hàng được GHC chứng nhận;	***5.5.2.*** Develop and announce on the website: https://halalghc.com/verify-certificate (update daily) the list of Halal products/Halal services of customers certified by GHC;
5.5.3. Bảo mật toàn bộ các thông tin liên quan đến Khách hàng, ngoài trừ những thông tin đã công bố ở phần 5.6, 5.7 liên quan đến chứng chỉ và sử dụng dấu chứng nhận Halal, các cam kết và chính sách cụ thể như sau: a) GHC cam kết và hoạch định thông qua các thỏa thuận ràng buộc về mặt pháp lý, các hợp đồng với tất cả nhân sự toàn thời gian và các cam kết tuân thủ với các nhân sự hợp tác bán thời gian trong đó có các điều khoản về bảo mật tất cả các thông tin thu được hoặc tạo ra trong quá trình thực hiện các hoạt động chứng nhận ở tất cả các	***5.5.3.*** Confidentiality of all information related to the Customer, except for the information published in sections 5.6 and 5.7 related to the certification and use of the Halal certification mark, specific commitments and policies as follows: a) GHC commits and plans through legally binding agreements, contracts with all full-time personnel and commitments to comply with part-time cooperating personnel, including provisions on the confidentiality of all information obtained or generated during the implementation of certification

cấp trong cơ cấu của tổ chức, bao gồm các ban và các tổ chức hoặc các cá nhân bên ngoài hành động với danh nghĩa của GHC.

b) GHC cam kết và hoạch định thông báo trước cho khách hàng các thông tin mà GHC dự kiến sẽ công khai. Tất cả các thông tin khác (ngoại trừ thông tin được khách hàng công khai) đều được coi là thông tin bảo mật.

c) GHC cam kết và hoạch định các thủ tục để đảm bảo không cung cấp cho bên thứ ba các thông tin về khách hàng được chứng nhận hoặc cá nhân cụ thể mà không có sự nhất trí bằng văn bản của khách hàng được chứng nhận hoặc cá nhân có liên quan.

d) GHC cam kết và hoạch định các thủ tục để đảm bảo trong trường hợp GHC được yêu cầu theo pháp luật hoặc được cho phép theo thỏa thuận hợp đồng (ví dụ như với tổ chức công nhận) cung cấp thông tin bảo mật, thì khách hàng hoặc cá nhân liên quan phải được thông báo trước về các thông tin được cung cấp trừ khi pháp luật ngăn cấm.

e) GHC cam kết và hoạch định các thủ tục để đảm bảo các thông tin về khách hàng từ các nguồn không phải là khách hàng (ví dụ như bên khiếu nại, cơ quan quản lý) phải được xử lý như thông tin bảo mật, phù hợp với chính sách của tổ chức chứng nhận.

g) GHC cam kết và hoạch định các biện pháp quản lý để nhân sự, bao gồm cả thành viên của các ban, nhà thầu, nhân sự của tổ chức hoặc cá nhân bên ngoài hoạt động với danh nghĩa của GHC, phải bảo mật tất cả các thông tin thu được hoặc tạo ra trong quá trình thực hiện các hoạt động của GHC trừ khi có yêu cầu của luật pháp.

h) GHC cam kết và hoạch định các thủ tục để đảm bảo thiết lập các quá trình và khi thích hợp cả thiết bị và phương tiện để đảm bảo xử lý an toàn các thông tin bảo mật."

i) Giám đốc GHC có trách nhiệm truyền đạt

activities at all levels in the organization's structure, including committees and external organizations or individuals acting on behalf of GHC.

b) GHC commits and plans to notify customers in advance of the information that GHC is expected to disclose. All other information (except information made public by customers) is considered confidential.

c) GHC commits and plans procedures to ensure that it does not provide third parties with information about a specific certified client or individual without the written consent of the certified client or the relevant individual.

d) GHC is committed to and has procedures in place to ensure that in the event that GHC is required by law or permitted by contractual agreement (e.g. with an accreditation body) to provide confidential information, the customer or relevant individual must be notified in advance of the information provided unless prohibited by law.

e) GHC commits and plans procedures to ensure that information about customers from non-customer sources (e.g. complainants, regulators) is treated as confidential information, in accordance with the certification body's policies.

g) GHC commits and plans management measures so that personnel, including members of committees, contractors, personnel of external organizations or individuals operating on behalf of GHC, must keep confidential all information obtained or generated in the course of performing GHC's activities except as required by law.

h) GHC is committed to and has procedures in place to ensure the establishment of processes and, where appropriate, both equipment and

và yêu cầu tất cả thành viên của Hội đồng đảm bảo khách quan và mọi nhân viên trong GHC, cũng như các chuyên gia bên ngoài phải tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, cam kết bảo mật bằng văn bản nhằm đảm bảo: - Bảo mật tất cả các thông tin liên quan tới khách hàng ngoại trừ thông tin về việc cấp, đình chỉ, thu hồi chứng chỉ; - Bảo mật thông tin của GHC. - Ngoài các thông tin được phép công khai (về việc cấp, đình chỉ, thu hồi chứng chỉ) toàn bộ nhân sự làm việc cho GHC cam kết bảo mật toàn bộ thông tin do khách hàng cung cấp hoặc thông tin về khách hàng có được từ nguồn khác và đảm bảo tôn trọng quyền sở hữu của khách hàng. - GHC đảm bảo bảo mật thông tin về khách hàng lưu dưới dạng điện tử ở bất kỳ hình thức nào.	facilities to ensure the safe handling of confidential information. i) The Director of GHC is responsible for communicating and requesting all members of the Impartiality Assurance Board and that all employees in GHC, as well as external experts, auditors, must strictly comply with professional ethics and make written commitments of confidentiality to ensure: - Confidentiality of all information related to customers except information about the issuance, suspension and withdrawal of certificates; - Confidentiality of GHC information. - In addition to the information that is allowed to be disclosed (about the issuance, suspension and withdrawal of certificates), all personnel working for GHC are committed to maintaining the confidentiality of all information provided by customers or information about customers obtained from other sources and ensuring respect for customers' property rights. - GHC ensures the confidentiality of information about customers stored in electronic form in any form.
5.5.4. Thông báo cho khách hàng những ý kiến phản hồi mà GHC nhận được liên quan đến chất lượng sản phẩm Halal, dịch vụ Halal của khách hàng;	***5.5.4.*** Inform customers of the feedback received by GHC regarding the quality of Halal products and Halal services of customers;
5.5.5. Tuân thủ các nội quy, quy định của khách hàng tại điểm đánh giá;	***5.5.5.*** Comply with the rules and regulations of customers at the assessment point;
5.5.6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hợp đồng đã ký với khách hàng.	***5.5.6.*** Fully fulfill responsibilities in the contract signed with the client.
5.5.7. Đảm bảo sự sự chính xác, trung thực, tin cậy, tính độc lập, khách quan, công bằng, không thiên vị trong hoạt động chứng nhận Halal của GHC theo các cam kết và quy định nêu tại khoản 5.3.3 nêu trên.	***5.5.7.*** Ensure the accuracy, honesty, reliability, independence, objectivity, fairness and impartiality in GHC's Halal certification activities in accordance with the commitments and regulations specified in Clause 5.3.3 above.

5.5.8. GHC cam kết chỉ đánh giá, thẩm xét, quyết định và giám sát ở những vấn đề liên quan cụ thể đến phạm vi khách hàng đăng ký chứng nhận	***5.5.8.*** GHC commits to audit, review, decide and supervise only matters specifically related to the scope of the customer applying for certification
5.6. Các quy định đối với chứng chỉ chứng nhận Halal do GHC cấp	**5.6. Regulations for Halal certification certificates issued by GHC**
5.6.1. GHC cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Halal cho các sản phẩm/dịch vụ của khách hàng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của tiêu chuẩn Halal cụ thể của Việt Nam hoặc các thị trường nhập khẩu.	***5.6.1***. GHC shall issue Halal standard conformity certificates for customers' products/services that fully meet the requirements of specific Halal standards of Vietnam or import markets.
5.6.2. Hiệu lực của các chứng nhận Halal phù hợp Tiêu chuẩn tùy thuộc vào quy định trong mỗi tiêu chuẩn, quy định của tiêu chuẩn công nhận, quy định của từng nước, từng khu vực (thị trường nhập khẩu sản phẩm Halal/dịch vụ Halal. Thông thường có 2 chương trình chứng nhận Halal phổ biến có hiệu lực chứng chỉ là 01 năm hoặc 03 năm kể từ ngày cấp. Thời gian hiệu lực theo các chương trình chứng nhận Halal này sẽ được GHC phổ biến, giải thích rõ cho khách hàng khi đăng ký chứng nhận.	***5.6.2.*** The validity of Halal certifications in accordance with Standards depends on the provisions of each standard, the provisions of the accreditation standards, the regulations of each country and each region (the market for importing Halal products/ Halal services. Normally, there are 2 popular Halal certification programs with a certificate validity of 01 year or 03 years from the date of issuance. The validity period under these Halal certification programs will be disseminated by GHC, clearly explained to customers when registering for certification.
5.6.3. Các yêu cầu về sử dụng chứng chỉ và hiệu lực của chứng chỉ Halal	***5.6.3. Requirements for the use of the certificate and the validity of the Halal certificate***
a) Tất cả các tài liệu chứng nhận do GHC cấp cho khách hàng (bao gồm chứng chỉ chứng nhận, phụ lục chứng nhận, thông báo sử dụng dấu, kết quả thử nghiệm liên quan, …) thuộc sở hữu, trách nhiệm quản lý của GHC và GHC cấp các tài liệu này cho khách hàng sử dụng trong thời hạn hiệu lực của chứng nhận Halal.	a) All certification documents issued by GHC to customers (including certification certificates, certification appendices, notification of use of mark, relevant test results, etc.) are owned and managed by GHC and GHC issues these documents to customers for use within the validity period of the Halal certification.
b) Nếu khách hàng cung cấp bản copy của tài liệu chứng nhận (bao gồm chứng chỉ Halal, phụ lục chứng chỉ, thông báo sử dụng dấu Halal) cho các bên quan tâm, các tài liệu phải	b) If the customer provides copies of the certification documents (including Halal certificates, certificate appendices, notification of use of the Halal mark) to

được sao chép toàn bộ và nguyên bản. Người sở hữu chứng chỉ (khách hàng) không được phép sao chép chứng chỉ Halal đã cấp theo cách làm giảm tính rõ ràng của chứng chỉ, không làm mờ, không được sửa đổi bản gốc, cũng không được phép dịch chứng chỉ sang ngôn ngữ khác mà không có sự đồng ý của GHC (là tổ chức đã cấp chứng nhận Halal cho khách hàng).	interested parties, the documents must be copied in their entirety and originals. The certificate holder (customer) is not allowed to copy the issued Halal certificate in a way that reduces the clarity of the certificate, does not obscure it, does not modify the original, nor is it allowed to translate the certificate into another language without the consent of GHC (which is the organization that issued the Halal certification to the customer).
c) Hết hiệu lực của chứng chỉ, Hệ thống đảm bảo Halal của khách hàng sẽ được đánh giá lại. Đánh giá lại có thể kết hợp trong cùng đợt với đánh giá giám sát lần cuối cùng. Đối với các khách hàng đã hết hạn chứng chỉ Halal mà chưa đánh giá lại hoặc không đồng ý đánh giá lại (không hạn hiệu lực của chứng chỉ nữa) thì không được phép sử dụng chứng chỉ và dấu hiệu chứng nhận halal đã được cấp. GHC sẽ có các thủ tục công bố thông tin khách hàng hết hiệu lực và không duy trì tiếp chứng nhận tới khách hàng, người tiêu dùng và các cơ quan có liên quan.	c) Upon expiration of the certificate, the customer's Halal Assurance System will be re-audited. The recertification can be combined in the same time as the last surveillance audit. For customers who have expired the Halal certificate but have not re-audited or do not agree to re-audit (the validity of the certificate is no longer valid), they are not allowed to use the certificate and the halal certification mark that has been issued. GHC will have procedures for disclosing customer information that are expired and will not continue to certify to customers, consumers and relevant agencies.
d) Việc đình chỉ hiệu lực và thu hồi chứng chỉ được thực hiện theo các quy định của GHC được nêu tại khoản 5.9 bên dưới. Các quyết định này sẽ được thông báo lên Website: https://halalghc.com và được public thường xuyên tại https://halalghc.com/verify-certificate.	d)) The suspension of validity and revocation of the certificate shall be carried out in accordance with the provisions of GHC stated in Clause 5.9 below. These decisions will be announced on the Website: https://halalghc.com and will be made public regularly at https://halalghc.com/verify-certificate.
e) Khi không thỏa mãn với các quyết định chứng nhận hay chứng chỉ Halal mà GHC đã cấp, Khách hàng có thể khiếu nại theo quy định tại khoản 5.10 bên dưới.	e) When not satisfied with the certification decisions or Halal certificates issued by GHC, the Customer may complain according to the provisions of Clause 5.10 below.
5.7. Sử dụng logo chứng nhận Halal	**5.7. Use of Halal certification logo**
5.7.1. Khách hàng đã được GHC chứng	5.7.1. Customers who have been certified

nhận có quyền sử dụng logo, dấu hiệu chứng nhận Halal của GHC kèm theo ký hiệu của tiêu chuẩn và cơ quan công nhận/cơ quan chỉ định tương ứng theo quy định tại REG.02 – Quy định về sử dụng dấu hiệu chứng nhận Halal của GHC được công khai tại: https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai.	by GHC have the right to use GHC's Halal certification logos and marks together with the symbols of the corresponding standards and accreditation bodies/appointing bodies as prescribed in REG.02 – Regulations on the use of GHC's Halal certification marks which are published at: https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai.
5.7.2. Nếu khách hàng cung cấp bản copy của tài liệu chứng nhận (ở đây là Thông báo sử dụng dấu hiệu chứng nhận Halal) cho các bên quan tâm, các tài liệu phải được sao chép toàn bộ và nguyên bản. Khách hàng không được phép sao chép Thông báo sử dụng dấu hiệu chứng nhận Halal đã được cấp cấp theo cách làm giảm tính rõ ràng của Thông báo, không làm mờ, không được sửa đổi bản gốc, cũng không được phép dịch chứng chỉ sang ngôn ngữ khác mà không có sự đồng ý của GHC.	5.7.2. If the Client provides copies of the certification documents (hereinafter referred to as the Notification of Use of the Halal Certification Mark) to interested parties, the documents must be reproduced in their entirety and originally. Customers are not allowed to copy the Notification of Use the Halal certification mark that has been issued in a way that reduces the clarity of the Notification, does not obscure, does not modify the original, nor is it allowed to translate the certificate into another language without the consent of GHC.
5.8. Duy trì việc chứng nhận	**5.8. Maintaining certification**
5.8.1. Khách hàng được chứng nhận phải duy trì việc đảm bảo chất lượng sản phẩm Halal/dịch vụ Halal theo đúng yêu cầu trong Tiêu chuẩn Halal tương ứng và duy trì việc chứng nhận trong suốt thời gian hiệu lực của chứng chỉ Halal. Trong trường hợp GHC phát hiện khách hàng không thoả mãn các yêu cầu chứng nhận Halal một cách đáng kể, thông qua đánh giá giám sát hay hoạt động khác, GHC sẽ xác định mức độ ảnh hưởng của sự không thoả mãn đó và tiến hành các hành động phù hợp như đánh giá đột xuất, đình chỉ, thu hồi, huỷ bỏ chứng nhận Halal. Khi đó các bước trong quá trình đánh giá, xem xét hồ sơ và ra quyết định chứng nhận được tiến hành như quy định của GHC và có xem xét tới hồ sơ đánh giá đã lưu của khách hàng đó.	***5.8.1.*** The certified customer must maintain the quality assurance of Halal products/Halal services in accordance with the requirements of the respective Halal Standards and maintain the certification throughout the validity period of the Halal certificate. In the event that GHC finds that a customer does not substantially meet the requirements for Halal certification, through a surveillance audit or other activity, GHC will determine the extent of the dissatisfaction and take appropriate actions such as irregular audit, suspension, withdrawal and cancellation of Halal certification. At that time, the steps in the process of assessment, review of dossiers and certification decisions are carried out in accordance with GHC's regulations and

	take into account the recorded audit records of that customer.
5.8.2. Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận Halal phù hợp tiêu chuẩn mà khách hàng được chứng nhận có những thay đổi lớn về: quyền sở hữu; địa điểm; cơ cấu tổ chức; mở rộng/thu hẹp nhà xưởng/trang trại/cơ sở sản xuất/cơ sở cung cấp dịch vụ hoặc mở rộng/thu hẹp danh mục sản phẩm hoặc phạm vi sản xuất; số lượng nhân viên (trên 30 %); nhân sự người đạo hồi giám sát (nếu thuộc trường hợp bắt buộc) và các nguồn lực có tác động quan trọng đến Hệ thống đảm bảo Halal thì phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho GHC để GHC tiến hành đánh giá mở rộng/ thu hẹp/ giám sát phạm vi chứng nhận. Trong trường hợp sau kết quả đánh giá mở rộng/thu hẹp/giám sát chưa có kết quả khẳng định tiếp tục có hiệu lực thì khách hàng không được phép lưu thông sản phẩm Halal/dịch vụ halal đã được chứng nhận đang có những thay đổi nêu trên cho tới khi GHC có thông báo tương ứng cho khách hàng.	***5.8.2.*** During the validity period of the Halal certification in conformity with the standards, the certified customer has major changes in: ownership; location; organizational structure; expanding/ narrowing factories/ farms/production facilities/ service providers or expanding/ narrowing product lists or production scopes; number of employees (over 30%); supervisory personnel (if mandatory) and resources that have an important impact on the Halal Assurance System must promptly notify GHC in writing so that GHC can conduct an assessment to expand/narrow/supervise the scope of certification. In case after the results of the expansion/ narrowing/ surveillance audit there is no confirmation result that continues to be valid, customers are not allowed to circulate Halal products/halal services that have been certified to have the above changes until GHC issues the corresponding notice to customers
5.8.3. Đối với chu kỳ chứng nhận là 01 năm thì GHC có thể tiến hành các cuộc đánh giá đột xuất/đánh giá thẩm tra/đánh giá đặc biệt không báo trước khi cần thiết hoặc khi có các vấn đề nảy sinh, các trường hợp có thể xảy ra đánh giá này được nêu rõ tại khoản 5.7.3.3, Bước 7 tại Phụ lục 1 Diễn giải trình trình chứng nhận Halal của GHC ban hành kèm theo Quy định này.	***5.8.3.*** For the certification cycle of 01 year, GHC may conduct irregular audits/verification audit/special audit without prior announcement when necessary or when problems arise, the possible cases of such audit are specified in Clause 5.7.3.3. Step 7 in Appendix 1 Interpretation of GHC's Halal certification submission issued together with this Regulation.
5.8.4. Đối với chu kỳ chứng nhận là 03 năm thì trong thời gian chứng chỉ chứng nhận Halal có hiệu lực, GHC tiến hành đánh giá giám sát sản phẩm/dịch vụ đã được chứng nhận Halal bằng cách: đánh giá tại cơ sở sản xuất sản phẩm halal/cung cấp dịch vụ halal và lấy mẫu thử nghiệm	***5.8.4***. For the certification cycle of 03 years, during the validity period of the Halal certification certificate, GHC shall conduct an surveillance audit of products/ services that have been certified as Halal by: audit at the halal product manufacturer/providing halal services and taking samples for

phục vụ chứng nhận trên dây chuyền sản xuất/cung cấp dịch vụ hoặc tại kho hàng hoặc trên thị trường để thẩm tra. Tùy thuộc vào bản chất của sản phẩm Halal và hệ thống đảm bảo Halal mà khách hàng đã thiết lập, GHC thỏa thuận chu kỳ đánh giá giám sát phù hợp tuy nhiên chu kỳ này không được ngắn hơn 12 tháng/lần. Đồng thời trong quá trình này cũng có có thể có các cuộc đánh giá đột xuất/đánh giá thẩm tra/đánh giá đặc biệt không báo trước như nêu ở khoản 5.8.3 nêu trên.	certification on the production line/service provider or at warehouse or on the market for verification. Depending on the nature of the Halal product and the Halal assurance system that the customer has established, GHC agrees on an appropriate surveillance audit cycle but this cycle must not be shorter than every 12 months. At the same time, during this process, there may also be irregular audits/verification audit /special audit without prior announcement as stated in Clause 5.8.3 above.
5.8.5. Khi có sự thay đổi về tiêu chuẩn chứng nhận (tiêu chuẩn được chứng nhận đã lỗi thời và được cập nhật bằng một phiên bản mới), GHC sẽ tiến hành xem xét, đánh giá lại/đánh giá bổ sung, cấp lại chứng chỉ halal cũng như xác định lại thời gian giám sát. Tùy mức độ thay đổi của Tiêu chuẩn Halal được chứng nhận, GHC sẽ thỏa thuận với khách hàng về việc đánh giá bổ sung/đánh giá lại. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc đánh giá này sẽ do khách hàng chi trả.	***5.8.5.*** When there is a change in the certification standard (the certified standard is outdated and updated with a new version), GHC will review, audit/re-audit, re-issue the halal certificate as well as re-determine the surveillance period. Depending on the extent of the change in the Certified Halal Standard, GHC will agree with the customer on an additional assessment/re-evaluation. Any costs incurred in connection with this assessment will be borne by the customer.
5.8.6. Cấp lại chứng chỉ: Sau 01 năm hoặc 03 năm hiệu lực (tùy thuộc chương trình chứng nhận cụ thể) của chứng nhận halal phù hợp tiêu chuẩn tương ứng, GHC tiến hành đánh giá lại như lần đầu và cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn có hiệu lực 03 năm tiếp theo.	***5.8.6.*** Re-issuance of the certificate: After 01 year or 03 years of validity (depending on the specific certification program) of the halal certificate of conformity with the corresponding standards, GHC shall conduct a re-audit as the first time and issue a certificate of conformity with the following standards valid for the next 03 years.
5.9. Đình chỉ và thu hồi chứng chỉ	**5.9. Suspension and withdrawal of certificates**
5.9.1. Đình chỉ sử dụng chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn là việc GHC ra quyết định đình chỉ có thời hạn việc sử dụng chứng nhận Halal phù hợp tiêu chuẩn của Khách hàng được chứng nhận.	5.9.1. Suspension of the use of the standard conformity certificate means the decision of GHC to suspend for a definite period of time the use of the Halal certificate of conformity with the standards of the certified Customer.

5.9.2. Thu hồi chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn là việc GHC ra quyết định thu hồi chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn đã cấp cho khách hàng và chấm dứt hiệu lực của chứng nhận;	5.9.2. Withdrawal of standard conformity certificate means the issuance of a decision by GHC to withdraw the standard conformity certificate granted to the customer and terminate the validity of the certificate;
5.9.3. Tùy mức độ, GHC xem xét đình chỉ sử dụng hoặc thu hồi chứng nhận Halal phù hợp tiêu chuẩn đã cấp. Các quy định này khách hàng (tổ chức được chứng nhận halal) xem tại khoản 5.7.3.4 và 5.7.3.5, Bước 7 tại Phụ lục 1 Diễn giải trình trình chứng nhận Halal của GHC ban hành kèm theo Quy định này.	5.9.3. Depending on the severity, GHC shall consider suspending the use or withdrawing the Halal certification in accordance with the issued standards. These regulations can be seen by customers (halal-certified organizations) in Clauses 5.7.3.4 and 5.7.3.5, Step 7 in Appendix 1 Interpretation of GHC's Halal certification submission issued together with this Regulation.
5.9.4. Việc đình chỉ, thu hồi và phục hồi chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn sẽ được GHC thông báo lên website: https://halalghc.com và thông báo cho các tổ chức/cá nhân có liên quan bằng văn bản.	5.9.4. The suspension, withdrawal and recovery of the standard conformity certification shall be notified by GHC on the website: https://halalghc.com and notified to relevant organizations/ individuals in writing.
5.9.5. Khi bị đình chỉ, thu hồi hoặc hết hiệu lực của chứng nhận, khách hàng ngay lập tức phải ngừng sử dụng tất cả các tài liệu quảng cáo, tài liệu truyền thông, bao bì, nhãn mác, … trong nội bộ cũng như bên ngoài có chứa tham chiếu tới chứng nhận Halal, chứng chỉ halal, dấu hiệu chưng nhận Halal và thực hiện theo các yêu cầu quy định khác theo thỏa thuận/hợp đồng đã ký kết.	5.9.5. Upon suspension, withdrawal or expiration of the certificate, the Client must immediately stop using all promotional materials, communication materials, packaging, labels, etc. internally as well as externally containing references to Halal certification, halal certificates, Halal certification marks and comply with other regulatory requirements according to the signed agreement/contract.
5.10. Bồi thường trách nhiệm và khiếu nại	**5.10. Indemnification and Claims**
5.10.1. Nếu trong quá trình đánh giá chứng nhận, khách hàng được chứng nhận đưa ra bằng chứng về việc GHC gây ra thiệt hại cho khách hàng và đề nghị bồi thường, GHC sẽ xem xét bồi thường cho thiệt hại đó, giá trị bồi thường sẽ được GHC thỏa thuận chi tiết với khách hàng. Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được với nhau về giá trị bồi thường thì đưa ra trọng tài kinh tế giải quyết;	***5.10.1.*** If, during the certification assessment, the certified customer provides evidence of GHC's damage to the customer and offers compensation, GHC will consider compensation for such damage, the value of the compensation will be agreed in detail with the customer by GHC. In case the two parties cannot reach an agreement on the compensation value, economic

	arbitration shall be submitted;
5.10.2. Khách hàng có thể khiếu nại các hoạt động liên quan đến quá trình đánh giá, chứng nhận Halal của GHC. GHC sẽ xem xét, giải quyết khiếu nại của Khách hàng. Nếu khách hàng không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của GHC thì khách hàng có quyền yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật;	***5.10.2.*** Customers can complain about activities related to GHC's Halal assessment and certification process. GHC will consider and resolve the Customer's complaint. If the customer disagrees with GHC's decision to settle the complaint, the customer has the right to request settlement in accordance with the provisions of law;
5.10.3. Việc giải quyết khiếu nại của Khách hàng được thực hiện theo quy trình PRO.07 - Quy trình giải quyết khiếu nại giải quyết khiếu nại của GHC (được công khai tại: https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai và khách hàng không chịu bất cứ khoản chi phí nào cho việc khiếu nại. Nếu Khách hàng vẫn không thỏa mãn với quyết định giải quyết khiếu nại của GHC hoặc của Ban Shariah hoặc Hội đồng đảm bảo khách quan của GHC thì có thể gửi khiếu nại lên tổ chức công nhận/cơ quan thẩm quyền nước ngoài đã công nhận hoặc chỉ định cho GHC chứng nhận Halal hoặc đưa vụ việc ra tòa án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. GHC cam kết tuân thủ mọi quyết định tổ chức công nhận/cơ quan thẩm quyền nước ngoài hoặc tòa án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.	***5.10.3.*** The settlement of the Client's complaint shall be carried out in accordance with the PRO.07 - Procedure for Complaint/Appeal Handling of GHC (published at: https://halalghc.com/tai-lieu-cong-khai and the Client shall not bear any costs for the complaint. If the Customer is still not satisfied with the decision to settle the complaint by GHC or the Shariah Board or the Impartiality Assurance Board of GHC, the complaint may be submitted to the foreign accreditation bodies/authority that has accredited or appointed GHC to certify Halal or bring the case to the civil court of Ho Chi Minh City. GHC is committed to complying with all decisions of accreditation bodies/foreign authorities or civil courts of Ho Chi Minh City.
5.10.4. Không bên nào phải chịu trách nhiệm bồi hoàn cho nhau nếu có những yếu tố khách quan/các điều kiện bất khả kháng (được mô tả trong hợp đồng/thỏa thuận chứng nhận Halal) xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên nhưng phải thông báo cho nhau về các sự kiện này bằng văn bản hoặc email trong vòng 05 ngày kể từ ngày diễn ra.	***5.10.4.*** Neither party shall be liable for reimbursement to each other if objective factors/force majeure conditions (described in the Halal certification contract/agreement) occur beyond the control of both parties but must notify each other of these events in writing or email within 05 days from the date of occurrence.
5.11. Các khoản chi phí	**5.11. Fees**
5.11.1. Các khoản chi phí cho hoạt động đánh giá, chứng nhận Halal được xác định trong Hợp đồng/thỏa thuận chứng nhận.	***5.11.1.*** Fees for Halal audit and certification activities are determined in the certification contract/agreement.

Khách hàng không phải trả bất kì khoản chi phí nào khác cho GHC trừ chi phí cho đánh giá bổ sung được quy định tại khoản 5.8.5 nêu trên.	Customer is not required to pay any other costs to GHC except for the cost of the additional audit specified in clause 5.8.5 above.
5.11.2. Khi cần phải thẩm tra hành động khắc phục của khách hàng tại điểm được đánh giá, các chi phí đi lại, lưu trú cho chuyên gia đánh giá của GHC do khách hàng chi trả;	***5.11.2.*** When it is necessary to verify the customer's corrective action onsite, the travel and accommodation expenses for GHC's auditors/experts shall be paid by the customer;
5.11.3. GHC phát hành hóa đơn tài chính cho toàn bộ chi phí đánh giá, chứng nhận của GHC. Việc chậm thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn, bên Khách hàng phải chịu lãi suất 1,5% trên tháng cho phần giá trị cần phải thanh toán;	***5.11.3.*** GHC shall issue financial invoices for all audit and certification fees of GHC. The delay in payment after 30 days from the date of invoice issuance, the Customer must bear the interest rate of 1.5% per month for the value to be paid;
5.11.4. GHC ra quyết định đình chỉ chứng nhận Halal phù hợp tiêu chuẩn đối với Khách hàng không thanh toán chi phí đánh giá, chứng nhận sau 60 ngày kể từ ngày GHC phát hành hóa đơn. Việc khôi phục chứng nhận Halal phù hợp tiêu chuẩn sẽ được thực hiện sau khi Khách hàng thanh toán chi phí đánh giá chứng nhận	***5.11.4.*** GHC issues a decision to suspend the Halal certification in accordance with the standards for the Customer who fails to pay the cost of audit and certification after 60 days from the date GHC issues the invoice. The recovery of the Halal certification in accordance with the standard will be carried out after the Customer pays the cost of the certification audit

6. Hồ sơ cần lưu giữ/ *Saved Records*

TT ***No.***	**Hồ sơ** ***Records***	**Mã số** ***Code***	**Nơi lưu** ***Save Place***	**Thời gian lưu** ***Retention Time***
1.	Mẫu Giấy chứng nhận Halal tiếng Việt/ *Vietnamese Halal Certificate Template*	F01-REG.01	Phòng Điều phối Chứng nhận *Certification Coordination Department*	**06 năm** (*đối với chu kỳ chứng nhận 03 năm*); **02 năm** (*đối với chu kỳ chứng nhận 01 năm*) ***06 years*** *(for the certification cycle of 03 years);* ***02 years*** *(for the certification cycle of 01 year)*
2.	Mẫu Giấy chứng nhận Halal tiếng Anh/ *English Halal Certificate Template*	F02-REG.01		
3.	Quyết định đình chỉ hiệu lực giấy chứng nhận Halal/ *Decision to suspend the validity of the Halal certificate*	F03-REG.01		
4.	Quyết định hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận Halal/ *Decision to cancel the Halal certificate*	F04-REG.01		

5.1. BƯỚC 1: XEM XÉT ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN VÀ HỢP ĐỒNG	**5.1. STEP 1 : REVIEW CERTIFICATION CONTRACT AND APPLICATIONS**
5.1.3. Các thủ tục cần tuân thủ Các khách hàng có nhu cầu chứng nhận sẽ sử dụng Biểu mẫu F01-PRO.09 – Đăng ký chứng nhận Halal được GHC công khai trên website hoặc được cung cấp cho khách hàng khi khách hàng liên hệ tới Sau khi nhận được chính xác và đầy đủ các thông tin ban đầu do khách hàng cung cấp, Nhân Phòng Điều phối Chứng nhận có trách nhiệm xem xét các sản phẩm/dịch vụ đề nghị chứng nhận để xem xét các yếu tố sau đây: + Sản phẩm/dịch vụ/quá trình có thuộc phạm vi phải chứng nhận Halal theo Luật Shariah + Sản phẩm/dịch vụ/quá trình có thuộc phạm vi mà GHC được phép đánh giá chứng nhận và thuộc chương trình công nhận của nước nào? Của khu vực nào? GHC có được thừa nhận hoặc công nhận cho phạm vi nước đó, khu vực đó hay không? => Nếu sản phẩm/dịch vụ/quá trình không thuộc phạm vi chứng nhận Halal/hoặc GHC không có năng lực chứng nhận thì dừng quá trình trao đổi với khách hàng. => Nếu sản phẩm/dịch vụ/quá trình thuộc phạm vi chứng nhận Halal và GHC có năng lực, được thừa nhận/công nhận thì trao đổi với Phòng Quản lý Chuyên gia về vấn đề kỹ thuật (như thành phần nguyên liệu, thành phần của sản phẩm, quy trình công nghệ sản xuất, các rủi ro có liên quan, …) để thống nhất tiếp nhận đăng ký chứng nhận halal của khách hàng (*Trường hợp cần thiết có thể đề nghị cùng chuyên gia xuống trực tiếp tại địa điểm sản xuất kinh doanh của khách hàng để*	- Customers who wish to certify will use Form F01-PRO.09 – Application for Halal certification published by GHC on the website or provided to customers when customers contact - After receiving accurate and complete initial information provided by the customer, the Certification Coordination Department is responsible for reviewing the products/services requested for certification to consider the following factors: + Products/services/processes that are subject to Halal certification under Shariah Law + Are the products/services/processes within the scope of GHC allowed to audit and certify and belong to the accreditation program of which country? Of which region? Is the GHC recognized or accredited for that country, that region? => If the product/service/process is not within the scope of Halal certification/or GHC does not have the competence to certify, stop the process of communicating with the customer. => If the product/service/process within the scope of Halal and GHC certification is competent, recognized/accredited, discuss with the Auditors Management Department about technical issues (such as raw material composition, product composition, production technology process, related risks, etc. …) to unanimously receive the registration of halal certification from customers *(In case of necessity, it is possible to request auditors to go directly to the customer's production and*

khảo sát sơ bộ, trao đổi cách thức triển khai). => Nếu khách hàng tái chứng nhận mà có các điểm không phù hợp trong lần đánh giá gần nhất thì khách hàng phải tuyên bố/cam kết đã loại bỏ sự không phù hợp và thực hiện hành động khắc phục trước khi gia hạn và nộp Đơn đăng ký chứng nhận (đơn đăng ký chỉ được chấp nhận nếu khách hàng có khai báo). Trường hợp phát hiện khách hàng đã nộp Đơn đăng ký tại tổ chức chứng nhận Halal khác mà không được chấp nhận sau đó gửi đơn Đăng ký sang GHC thì Phòng Điều phối Chứng nhận cần yêu cầu người nộp đơn phải cung cấp thông tin chi tiết về đơn xin chứng nhận lần đầu và lý do từ chối của Tổ chức chứng nhận halal kia. - Nếu phạm vi đăng ký chứng nhận Halal thuộc phạm vi năng lực của GHC và khách hàng đáp ứng các yêu cầu đăng ký đầu vào cũng như đồng ý sử dụng dịch vụ thì Nhân viên Phòng Điều phối Chứng nhận tiếp tục bước thương thảo hợp đồng, thống nhất mức phí chứng nhận, thời gian thực hiện và địa điểm xuống đánh giá chứng nhận để chốt hợp đồng chứng nhận Halal với khách hàng.	*business location to conduct a preliminary survey and discuss how to implement it).* => If the customer re-certifies and there are non-conformities in the last audit, the customer must declare/commit that the non-conformity has been eliminated and take corrective action before renewing and submitting an Application for Certification (the application will only be accepted if the customer has declared). In case it is found that the customer has submitted an Application at another Halal Certification Body that is not accepted and then sends the Application form to GHC, the Certification Coordination Department should require the applicant to provide detailed information about the initial application for certification and the reason for the rejection of the other Halal Certification Body. - If the scope of Halal certification application is within the scope of GHC's competence and the customer meets the requirements for input application as well as agrees to use the service, the staff of the Certification Coordination Department continues to negotiate the contract, agree on the certification fee, implementation time and location to go down to the certification audit to finalise the Halal certification contract with customers.
5.2. BƯỚC 2: LẬP CHƯƠNG TRÌNH CHỨNG NHẬN HALAL	**5.2. STEP 2: ESTABLISH A HALAL CERTIFICATION PROGRAM**
- Phòng Điều phối Chứng nhận thiết lập Chương trình chứng nhận Halal cho một chu kỳ chứng nhận (chu kỳ chứng nhận có thể là 01 năm hoặc 03 năm tùy vào từng chương trình công nhận của các nước/các tổ chức). ***5.2.3.2. Thành lập Đoàn đánh giá*** Phòng Điều phối Chứng nhận xem xét lập Đoàn đánh giá ***5.2.3.3. Xây dựng kế hoạch đánh giá Halal*** Đoàn đánh giá gửi Kế hoạch đánh giá Halal theo F04-PRO.09 cho khách hàng thông qua email hoặc gửi qua đường bưu điện và sau đó	- The Certification Coordination Department establishes a Halal Certification Program for a certification cycle (the certification cycle can be 01 year or 03 years depending on each accreditation program of countries/ organizations). ***5.2.3.2 Establishment of the Audit Team*** Certification Coordination Department review, establish an audit team ***5.2.3.3 Establish a Halal audit plan*** The audit team sends the Halal Audit Plan according to F04-PRO.09 to the customer via email or by post and then calls to confirm the

gọi điện để xác nhận lịch đánh giá với khách hàng, đồng thời thông báo và hướng dẫn khách hàng về việc có 03 ngày làm việc để phản hồi về kế hoạch đánh giá gửi lại GHC. Căn cứ vào ý kiến phản hồi của khách hàng, Đoàn đánh giá có thể điều chỉnh hay không điều chỉnh nội dung Kế hoạch đánh giá. Sau đó cập nhật lịch đánh giá để các bộ phận liên quan phối hợp thực hiện. Kế hoạch đánh giá cần nêu rõ ngày, giờ và các hạng mục đánh giá và cần trao đổi với khách hàng để đảm bảo trong các ngày đánh giá doanh nghiệp có bố trí hoạt động sản xuất một số dòng sản phẩm, chủng loại và lĩnh vực thuộc phạm vi đăng ký chứng nhận.	audit schedule with the customer, and at the same time notifies and instructs the customer that there are 03 working days to feedback on the audit plan to be sent back to GHC. Based on customer feedback, the Audit Team may or may not adjust the content of the Audit Plan. Then update the audit schedule for relevant departments to coordinate implementation. The audit plan should clearly state the date, time and audit items and should be discussed with customers to ensure that during the audit days, the enterprise has arranged production activities of a number of product lines, types and fields within the scope of certification registration.
5.3. BƯỚC 3: ĐÁNH GIÁ GIAI ĐOẠN 1	**5.3. STEP 3: STAGE 1 AUDIT**
5.3.3. Các thủ tục cần tuân thủ ***a) Hình thức đánh giá***: Đánh giá giai đoạn 1 có thể được thực hiện tại Trụ sở/Văn phòng của GHC hoặc tại địa điểm sản xuất/kinh doanh của khách hàng tùy theo mức độ phức tạp của quy sản xuất sản phẩm hoặc dịch vụ, cũng như đánh giá rủi ro để quyết định. ***b) Nội dung Đánh giá Giai đoạn 1*** - Mục tiêu của đánh giá giai đoạn 1 là nhằm thu thập các thông tin, bằng chứng cho việc xây dựng kế hoạch đánh giá giai đoạn 2 bằng cách đạt được sự hiểu biết về các quy phạm thực hành sản xuất tốt (GMP), cũng như khái niệm xác định và phân tích các rủi ro về an toàn sản phẩm như Các chương trình tiên quyết PRP (ISO 22000), HACCP. - Ngoài ra, Đánh giá giai đoạn 1 nhằm xác định hệ thống đảm bảo halal đã được thiết lập, cũng như xác định các điều kiện chuẩn bị cho đánh giá giai đoạn 2, cụ thể: + Xem xét, đối chiếu kỹ thành phần của sản phẩm, thành phần của nguyên liệu, bán thành phẩm, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến được dùng cho sản xuất sản phẩm để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu cơ bản về thành	***5.3.3. Procedures to be followed*** ***a) Form of audit:*** Stage 1 audit can be carried out at GHC's Head Office/Office or at the customer's production/business location depending on the complexity of the product or service production process, as well as risk assessment to make decisions. ***b) Stage 1 Audit Content*** - The objective of the Stage 1 audit is to gather information and evidence for the development of the Stage 2 audit plan by gaining an understanding of Good Manufacturing Practices (GMP), as well as the concept of identifying and analyzing product safety risks such as Prerequisite Programs -PRP (ISO 22000), HACCP. - In addition, the Stage 1 Audit aims to determine the established Halal assurance system, as well as to determine the conditions for preparing for the Stage 2 Audit, specifically: + Carefully consider and compare the composition of products, ingredients of raw materials, semi-finished products, additives and processing aids used for product

phần Halal và Haram. + Đánh giá địa điểm của khách hàng và các điều kiện cụ thể đồng thời thực hiện các cuộc thảo luận với cán bộ của khách hàng để xác định tính sẵn sàng cho đánh giá bước 2, đảm bảo việc vận hành sản xuất tại thời điểm đánh giá và tính sẵn có của mẫu thử nghiệm; + Xem xét tình trạng của khách hàng đối với các yêu cầu liên quan của Tiêu chuẩn Halal và các Quy định pháp lý liên quan, đặc biệt là về nhận biết các khía cạnh, quá trình, mục tiêu và hoạt động quan trọng của hệ thống đảm bảo chất lượng sản phẩm và hệ thống đảm bảo Halal. - Khoảng thời gian giữa các cuộc đánh giá giai đoạn 1 và giai đoạn 2 dự kiến không được dài hơn 06 tháng. Đánh giá giai đoạn 1 cần phải đánh giá lại nếu khoảng thời gian dài hơn 06 tháng mà chưa tiến hành được đánh giá giai đoạn 2.	production to ensure compliance with basic requirements on Halal and Haram ingredients. + Audit the customer's location and specific conditions and conduct discussions with the customer's staff to determine the readiness for the Stage 2 audit, ensure the production operation at the time of the audit and the availability of the test sample; + Consider the customer's status with respect to the relevant requirements of the Halal Standard and relevant Legal Regulations, especially in terms of recognizing important aspects, processes, objectives and activities of the product quality assurance system and the Halal assurance system. - The period between Stage 1 and Stage 2 audits is expected to be no longer than 06 months. Stage 1 needs to be re-audited if the period is longer than 06 months and the stage 2 audit has not been conducted.
5.4. BƯỚC 4: ĐÁNH GIÁ GIAI ĐOẠN 2	**5.4. STEP 4: STAGE 2 AUDIT**
5.4.3. Các thủ tục cần tuân thủ ***5.4.3.1. Họp khai mạc / Opening meeting:***	5.4.3. Procedures to be followed 5.4.3.1. Opening meeting:
5.4.3.2. Quá trình đánh giá tại hiện trường - Đánh giá chứng nhận Halal giai đoạn 2 được tiến hành tại Nhà xưởng và tất cả các điểm đang hoạt động của khách hàng liên quan đến sản phẩm/dịch vụ Halal đăng ký chứng nhận. Quá trình lựa chọn ngày, thời điểm, mùa đánh giá phải đảm bảo tại thời điểm đánh giá một số dây chuyền sản xuất sản phẩm/cung ứng dịch vụ đang vận hành và đoàn đánh giá tiếp cận được đầy đủ các khu vực đại diện trong phạm vi đánh giá.	***5.4.3.2. On-site audit process*** Stage 2 Halal certification audit is conducted at the factory and all active points of customers related to Halal products/services registered for certification. The process of selecting the date, time and season of the audit must ensure that at the time of audit of a number of operating product/service production lines and the audit team has full access to the representative areas within the scope of the assessment.
b) Đánh giá thành phần, tiêu chuẩn nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm, bao bì, ghi nhãn	***b) Assessment of ingredients, standards of raw materials, semi-finished products, finished products, packaging and labeling***
c) Lấy mẫu kiểm tra cảm quan, ngoại quan, ghi nhãn và lấy mẫu gửi kiểm nghiệm	***c) Taking samples for sensory and appearance test, labeling and taking samples for testing*** - In Halal certification for products, the audit

- Trong chứng nhận Halal cho sản phẩm thì Đoàn đánh giá cần xem xét kết quả của tất cả các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm liên quan đến tình trạng Halal của sản phẩm. - Khi cần thiết, đoàn đánh giá phải lấy đủ số lượng mẫu từ cơ sở sản xuất/dịch vụ để thực hiện các cuộc kiểm tra, và thử nghiệm cần thiết. Theo quy định của GHC để đảm bảo có mẫu lưu đối chứng khi xảy ra tranh chấp, khiếu nại chuyên gia yêu cầu khách hàng lưu mẫu tối thiểu trong 01 tháng, tương tự mẫu lưu tại GHC cũng được lưu 01 tháng. Sau thời gian 01 tháng mẫu sẽ được hủy bỏ	team needs to consider the results of all tests in the laboratory related to the Halal status of the product. - When necessary, the audit team must take a sufficient number of samples from the production/service facility to carry out necessary inspections and tests. According to GHC's regulations to ensure that there is a control sample when a dispute occurs, the expert, auditor complaint requires the customer to keep the sample for at least 01 month, similarly the sample stored at GHC is also stored for 01 month. After 01 month, the sample will be canceled
d) Họp nội bộ đoàn và tổng hợp kết quả đánh giá	**d) Internal audit team meeting and summary of audit results**
e) Họp kết thúc và tập hợp hồ sơ chứng nhận - Đoàn đánh giá tiến hành cuộc họp kết thúc với các đại diện có thẩm quyền của khách hàng. - Danh sách tham dự theo F05-PRO.09 được sử dụng để ký xác nhận của những người tham dự họp khai mạc. Ngay sau khi kết thúc cuộc họp, Trưởng đoàn đánh giá tiến hành tập hợp đầy đủ hồ sơ đánh giá, đề nghị khách hàng ký và đóng dấu xác nhận vào các hồ sơ có yêu cầu ký, đóng dấu. - Đoàn đánh giá có trách nhiệm tập hợp đủ 01 bộ hồ sơ đánh giá để chuyển cho khách hàng lưu giữ, gồm các hồ sơ sau: F05-PRO.09 – Danh sách tham dự F10-PRO.09 – Báo cáo đánh giá giai đoạn 2 F11-PRO.09 – Biên bản lấy mẫu Mẫu sản phẩm lưu tại khách hàng có tem niêm phong (nếu có)	**e) Closing meeting and gathering certification records** - The audit team conducts a closing meeting with the customer's authorized representatives. - The attendance list according to F05-PRO.09 is used to sign the confirmation of the participants of the opening meeting. Immediately after the end of the meeting, the audit team conducts a complete collection of audit documents, requests customers to sign and affix confirmation stamp to the documents that require signature and stamping. - The audit team is responsible for gathering 01 set of audit records to be transferred to the customer for keeping, including the following dossiers: F05-PRO.09 – Attendance List F10-PRO.09 – Stage 2 Audit Report F11-PRO.09 – Sampling Minutes Product samples stored at customers with sealing stamps (if any)
5.4.3.3. Gửi mẫu tới phòng thử nghiệm và theo dõi trả kết quả - Đối với trường hợp Đoàn đánh giá chỉ định	***5.4.3.3. Sending samples to the laboratory and monitoring the return of results*** - In case the audit team appoints samples to

lấy mẫu để gửi thử nghiệm thì không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày lấy mẫu, chuyên gia phải gửi mẫu đến các phòng thí nghiệm (bên thứ ba độc lập) đã đăng ký lĩnh vực hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật và được công nhận theo ISO/IEC 17025. - Trong trường hợp, Đoàn đánh giá đồng ý để khách hàng vận chuyển mẫu đến phòng thử nghiệm được chỉ định để thử nghiệm thì cần nêu rõ trong Biên bản lấy mẫu (F11-PRO.09) về việc bàn giao mẫu cho khách hàng cùng với mẫu đã được niêm phong bởi GHC để nhờ khách hàng chuyển mẫu tới phòng thử nghiệm.	be sent for testing, within 02 working days from the date of sample collection, the auditors must send the samples to the testing laboratories (independent third parties) that have registered the field of testing activities in accordance with the provisions of law (according to Decree 107/2026/ND-CP and Decree No. 154/2018/ND-CP) and be recognized according to ISO/IEC 17025. - In case the audit team agrees to let the customer transport the sample to the designated testing laboratory for testing, it is necessary to clearly state in the sampling record (F11-PRO.09) about the handover of the sample to the customer along with the sample sealed by GHC to ask the customer to transfer the sample to the testing laboratory.
5.4.3.4. Theo dõi hành động khắc phục các Điểm không phù hợp (NC) - Trong vòng 60 ngày kể từ khi cuộc đánh giá kết thúc, Khách hàng phải đưa ra và gửi hành động khắc phục cho những điểm không phù hợp tới Phòng Điều phối Chứng nhận. Sau 60 ngày, kể từ ngày đánh giá chứng nhận kết thúc mà hành động khắc phục của khách hàng không được chấp nhận thì Phòng Điều phối Chứng nhận có thể ra thông báo gia hạn thời hạn trên thêm 30 ngày. Sau thời hạn gia hạn mà hành động khắc phục vẫn chưa được chấp nhận thì kết quả đánh giá chứng nhận bị hủy bỏ.	***5.4.3.4. Track Non-Conformities (NCs) correct actions*** Within 60 days of the end of the audit, the Client must take and send corrective action for non-conformities to the Certification Coordination Department. After 60 days from the date on which the certification audit ends, if the customer's corrective action is not accepted, the Certification Coordination Office may issue a notice of extension of the above time limit for another 30 days. After the extension period, if the corrective action is still not accepted, the certification audit result shall be canceled.
5.5. BƯỚC 5: THẨM XÉT, THẨM TRA SHARIAH VÀ RA QUYẾT ĐỊNH CHỨNG NHẬN HALAL	**5.5. STEP 5: VERIFICATION, VALIDATION OF SHARIAH AND HALAL CERTIFICATION DECISION MAKING**
5.5.3. Các thủ tục cần tuân thủ ***5.5.3.1. Thẩm tra kết quả thử nghiệm*** Trong trường hợp kết quả thử nghiệm không đạt, Đoàn đánh giá thông báo cho khách hàng thực hiện hành động khắc phục cần thiết (điều tra nguyên nhân, thực hiện các hành động khắc phục phù hợp), kiến nghị thẩm tra thực tế hành	***5.5.3. Procedures to be followed*** ***5.5.3.1. Verification of test results*** - In case the test results are failed, the audit team shall notify the customer to take necessary remedial actions (investigate the causes, take appropriate remedial actions), propose the actual verification of remedial

động khắc phục tại cơ sở hoặc tại Văn phòng của GHC, nếu chấp nhận thì tiến hành lấy mẫu thử nghiệm lại những chỉ tiêu không đạt (lần 2). Nếu kết quả thử nghiệm lần 02 tiếp tục không đạt, GHC sẽ dừng đánh giá và chấm dứt hợp đồng chứng nhận với khách hàng.	actions at the facility or at GHC's office, if accepted, samples will be taken for re-testing of unsatisfactory targets (2nd time). If the results of the 2nd test continue to fail, GHC will stop the audit and terminate the certification contract with the customer
5.5.3.2. Thẩm xét kỹ thuật của Bộ hồ sơ đánh giá chứng nhận	***5.5.3.2. Technical Review of the certification audit dossier***
- Tất cả các hồ sơ đánh giá chứng nhận Halal sẽ được chuyển đến Nhóm ra quyết định chứng nhận Halal để tiến hành thẩm xét, thẩm tra Shariah và ra quyết định chứng nhận.	All Halal certification audit dossiers will be forwarded to the Halal Certification Decision Making Team for verification, Shariah verification and make certification decision
5.6. BƯỚC 6: BAN HÀNH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	**5.6. STEP 6: ISSUANCE OF ASSESSMENT RESULTS**
5.6.3. Thủ tục cần tuân thủ	***5.6.3. Procedures to be followed***
5.6.3.1. Yêu cầu chung	***5.6.3.1. General Requirements***
Giám đốc GHC/Phó giám đốc được ủy quyền sẽ là người ký Chứng chỉ chứng nhận/Thông báo kết quả đánh giá nhưng không phải là người ra quyết định chứng nhận mà chỉ là ký văn bản thông báo kết quả do Nhóm ra quyết định chứng nhận Halal kết luận.	The Director/Authorized Deputy Director of GHC will be the person who signs the Certification Certificate/Notification of Audit Results but is not the person who makes the certification decision but only signs the written notification of the results concluded by the Halal Certification Decision Making Team.
5.6.3.2. Trường hợp Nhóm ra quyết định chứng nhận Halal kết luận không cấp chứng chỉ cho khách hàng	***5.6.3.2. In case the Halal certification decision making team concludes not to grant a certificate to the customer***
- Phòng Điều phối Chứng nhận soạn thảo công văn Thông báo cho khách hàng về việc không cấp chứng chỉ và có nêu rõ lý do theo mẫu tại F16-PRO.09 Thông báo kết quả đánh giá.	- The Certification Coordination Department shall draft an official letter notifying the customer of the no granting of the certificate and clearly stating the reason according to the form at F16-PRO.09 Notice of audit results.
5.6.3.3. Trường hợp Nhóm ra quyết định chứng nhận Halal kết luận cấp chứng chỉ cho khách hàng	***5.6.3.3. In case the Halal certification decision-making team concludes to grant a certificate to the customer***
Phòng Điều phối Chứng nhận dự thảo chứng chỉ chứng nhận Halal, Phụ lục chứng nhận và Thông báo dấu chứng nhận Halal được phép sử dụng (theo mẫu tại REG.02 – Quy định về sử dụng dấu hiệu chứng nhận Halal) để chuyển cho khách hàng xác nhận.	The Certification Coordination Department shall draft the Halal certification certificate, the Certification Annex and the Notification of the Halal certification mark that is allowed to be used (according to the form in REG.02 – Regulations on the use of the Halal certification mark) to be forwarded to the

Sau khi khách hàng xác nhận nội dung chứng chỉ, Phòng Điều phối Chứng nhận in, trình Giám đốc ký ban hành. Hiệu lực chứng chỉ là 03 năm hoặc 01 năm tùy thuộc vào chương trình công nhận/yêu cầu công nhận của các nước/các khu vực.	customer for confirmation. After the customer confirms the content of the certificate, the Certification Coordination Department prints it and submits it to the Director for signature and issuance. The validity of the certificate is 03 years or 01 year depending on the accreditation program/accreditation requirements of countries/regions.
b) Tập hợp tài liệu chứng nhận gửi khách hàng Sau khi chứng chỉ được phê duyệt, Phòng Điều phối Chứng nhận có trách nhiệm tập hợp đủ các tài liệu chứng nhận sau để gửi khách hàng: 1. Chứng chỉ chứng nhận Halal và Phụ lục chứng nhận (nếu có) 2. Phiếu kết quả thử nghiệm (nếu có gửi mẫu) 3. Thông báo sử dụng dấu hiệu chứng nhận Halal.	***b) Collection of certification documents to send to customers*** After the certificate is approved, the Certification Coordination Department is responsible for gathering all the following certification documents to send to customers: 1. Halal Certificate and Certification Annex (if any) 2. Test result report (if the sample is sent) 3. Notification of use of Halal certification mark.
c) Trả kết quả và cập nhật Danh sách khách hàng - Sau khi trình ký chứng chỉ, Phòng Điều phối Chứng nhận chuyển kết quả chứng nhận sang Phòng Hành chính - Tổng hợp để đóng dấu và làm các thủ tục thanh toán, chuyển trả kết quả đến khách hàng. - Phòng Điều phối Chứng nhận có trách nhiệm cập nhật thông tin khách vào Danh sách theo dõi và cập nhật trên trang web của GHC tại địa chỉ: https://halalghc.com với các nội dung: Tên khách hàng; số chứng nhận; các sản phẩm/dịch vụ được chứng nhận; Tiêu chuẩn Halal được chứng nhận, ngày cấp, ngày hiệu lực.	***c) Send results and update the Clients List*** After submitting the certificate for signing, the Certification Coordination Department transfers the certification results to the General Administration Department to stamp and carry out payment procedures and send the results to customers. The Certification Coordination Department is responsible for updating guest information into the Monitoring and updating list on GHC's website at the address: https://halalghc.com with the following contents: Customer name; certificate number; certified products/services; Certified Halal Standard, Issue Date, Effective Date.
5.7. BƯỚC 7: ĐÁNH GIÁ TRONG CHU KỲ CHỨNG NHẬN	**5.7. STEP 7: AUDIT DURING THE CERTIFICATION CYCLE**
5.7.3. Các thủ tục cần tuân thủ ***5.7.3.1 Đánh giá giám sát định kỳ*** ***a) Thủ tục thực hiện***	***5.7.3. Procedures to be followed*** ***5.7.3.1 Periodic Surveillance Audit*** ***a) Procedures for implementation***

- GHC tiến hành giám sát bắt buộc với các cơ sở đã được chứng nhận Halal với mục đích tìm kiếm bằng chứng sự duy trì có hiệu lực của hệ thống đảm bảo Halal so với yêu cầu của Tiêu chuẩn Halal tương ứng; xác minh tính tương thích liên tục của Sản phẩm/Dịch vụ Halal với các yêu cầu của giấy chứng nhận đã được cấp và Tiêu chuẩn Halal tương ứng. - Tần suất đánh giá giám sát phải đảm bảo tối đa không quá 12 tháng/01lần. ***b) Ban hành kết quả đánh giá giám sát*** - Quyết định về kết quả đánh giá giám sát do Nhóm ra quyết định chứng nhận Halal của GHC kết luận. - Kết quả đánh giá giám sát sẽ được sử dụng làm căn cứ để ra Thông báo duy trì hiệu lực của Chứng nhận Halal (theo mẫu F18-PRO.09) hoặc ra Quyết định đình chỉ, hủy bỏ Giấy chứng nhận Halal. - Kết quả đánh giá giám sát trả cho khách hàng gồm: + Thông báo duy trì hiệu lực chứng chỉ (theo mẫu F18-PRO.09); + Các phiếu kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm trong đợt đánh giá giám sát (nếu có)	- GHC conducts mandatory surveillance with Halal-certified facilities for the purpose of finding evidence of the effective maintenance of the Halal assurance system against the requirements of the respective Halal Standard; verify the ongoing compatibility of Halal Products/Services with the requirements of the issued certificate and the corresponding Halal Standard. - The frequency of surveillance audit must not exceed 12 months/01 time. ***b) Issuing the results of surveillance audit*** - The decision on the results of the surveillance audit is concluded by the GHC's Halal Certification Decision Making Team through F15-PRO.09 - Review report, Shariah verification and certification decision. - The results of the surveillance audit will be used as a basis for issuing a Notification of Maintaining the Validity of the Halal Certificate (according to form F18-PRO.09) or issuing a Decision on suspension and cancellation of the Halal Certificate. - The results of the surveillance audit send to customers include: + Notification of maintaining the validity of the certificate (according to form F18-PRO.09); + Results of testing product samples in the surveillance audit (if any)
5.7.3.2 Đánh giá mở rộng phạm vi/bổ sung sản phẩm - Đánh giá chứng nhận mở rộng phạm vi/bổ sung sản phẩm không áp dụng đối với cơ sở đã được chứng nhận theo một tiêu chuẩn Halal, giờ đăng ký chứng nhận thêm một tiêu chuẩn Halal khác. - Đánh giá chứng nhận mở rộng phạm vi/bổ sung sản phẩm chỉ áp dụng đối với các cơ sở đã được chứng nhận Halal theo một Tiêu chuẩn cụ thể và sau đó có nhu cầu chứng nhận	***5.7.3.2 Scope Expansion/ Product Supplement Audit*** - Certification audit to expand the scope/supplement of products does not apply to establishments that have been certified according to one Halal standard, the time to apply for certification is another Halal standard. - Scope expansion/product supplement certification audit only applies to establishments that have been certified Halal

mở rộng phạm vi áp dụng (đối với dịch vụ/quá trình Halal) hoặc bổ sung cho các sản phẩm mới cũng theo một Tiêu chuẩn Halal đã được chứng nhận. - Các thủ tục thực hiện đánh giá ***mở rộng phạm vi/bổ sung sản phẩm*** tại cơ sở thực hiện tương tự như các Bước 1,2,3,4,5,6 nêu trong phụ lục này và trong lưu đồ chứng nhận	according to a specific Standard and then there is a need for certification to expand the scope of application (for Halal services/processes) or supplement new products also according to a certified Halal Standard. - The procedures for conducting ***the scope expansion/product supplement*** audit at the facility are similar to Steps 1,2,3,4,5,6 in Section V of this Procedure.
5.7.3.3 Đánh giá đột xuất/ Đánh giá đặc biệt Trong thời hạn hiệu lực của chứng chỉ chứng nhận Halal (03 năm hoặc 01 năm), GHC có thể tiến hành đánh giá đột xuất (hay gọi là đánh giá đặc biệt) không báo trước để thẩm tra tính tuân thủ của cơ sở sản xuất và của sản phẩm theo yêu cầu của Tiêu chuẩn Halal nếu có các thông tin sau đây: + Có khiếu nại của khách hàng/người tiêu dùng về thông tin sản phẩm không minh bạch, sản phẩm có chất cấm Haram hoặc chất bị nghi ngờ Mushbooh. + Có thông tin nghi ngờ về việc không tuân thủ yêu cầu Tiêu chuẩn Halal hoặc có vi phạm nguyên tắc Halal của cơ sở + Khi được cơ quan công nhận/ cơ quan quản lý nhà nước/ cơ quan quản lý nước nhập khẩu sản phẩm Halal của cơ sở yêu cầu thực hiện. - GHC ra quyết định thành lập đoàn đánh giá sau đó đoàn đánh giá xuống đánh giá đột xuất tại cơ sở mà không báo trước cho khách hàng. - Các thủ tục thực hiện đánh giá đột xuất/đánh giá đặc biệt thực hiện tương tự như các Bước 2,4,5,6 nêu trong phụ lục này và trong lưu đồ chứng nhận - Khi cần thiết Đoàn chuyên gia sẽ phải thực hiện lấy mẫu một số sản phẩm/nguyên liệu/phụ gia/bao bì, … để chỉ định thử nghiệm các chỉ tiêu nghi ngờ.	***5.7.3.3 Irregular Audit/ Unannounced Audit*** During the validity period of the Halal certification certificate (03 years or 01 year), GHC may conduct an irregular audit (also known as a special audit) without prior announcement to verify the compliance of the production facility and products as required by the Halal Standard if the following information is available: + There are complaints from customers/clients about non-transparent product information, products with banned substances Haram or suspected substances Mushbooh. + There is suspicious information about non-compliance with Halal Standard requirements or violation of Halal principles of the establishment + When requested by the accreditation body/state management agency/authority agency of the country where the Halal product is imported by the establishment. - GHC issues a decision to establish an audit team, then the audit team conducts an irregular audit at the facility without announcing customers in advance. - The procedures for conducting an irregular audit/ unannounced audit are similar to Steps 2,4,5,6 in certification flowchart. When necessary, the audit team will have to sample a number of products/ raw materials/ additives/ packaging, etc. to designate and

	test suspicious indicators.
5.7.3.4 Đình chỉ và hủy bỏ kết quả chứng nhận Tùy mức độ, GHC xem xét đình chỉ sử dụng hoặc thu hồi chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn đã cấp nếu khách hàng không tuân thủ một trong các điều sau đây: - Sử dụng chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn hoặc logo của GHC trái với quy định; - Không bố trí đánh giá giám sát định kỳ như đã thỏa thuận; - Không duy trì chất lượng của sản phẩm, vi phạm các quy định chứng nhận của GHC; - Có khiếu nại nghiêm trọng từ cá nhân, tổ chức sử dụng sản phẩm của khách hàng; - Không trả đầy đủ phí chứng nhận theo thỏa thuận. **Đình chỉ chứng nhận**: Phòng Điều phối Chứng nhận dự thảo Quyết định đình chỉ hiệu lực chứng nhận không quá 03 tháng. **Hủy bỏ chứng nhận:** Sau thời gian 03 thá trên, nếu khách hàng vẫn chưa có bằng chứ thỏa đáng về các hành động khắc phục tươ ứng, GHC sẽ ra Quyết định hủy bỏ hiệu l chứng nhận Quyết định hủy bỏ hiệu lực được g tới khách hàng và công bố trên trang we https://halalghc.com/verify-certificate	***5.7.3.4 Suspension and cancellation of certification results*** Depending on the severity, GHC may consider suspending the use or withdrawal of the issued standard conformity certificate if the customer fails to comply with one of the following: - Using the certificate of conformity with GHC's standards or logo in contravention of regulations; - Failing to arrange periodic surveillance audit as agreed; - Failing to maintain the quality of the product, violating GHC's certification regulations; - There are serious complaints from individuals and organizations using customers' products; - Failure to pay the full certification fee as agreed. **Suspension of certification:** The Draft Certification Coordination Department shall suspend the validity of the certification for no more than 03 months. **Cancellation of certification**: After the above 03 months, if the customer still does not have satisfactory evidence of the corresponding remedial actions, GHC will issue a Decision to cancel the certification of the Decision to cancel the validity of the decision sent to the customer and published on the website: https://halalghc.com/verify-certificate
5.7.3.4 Đình chỉ hiệu lực chứng nhận Halal Đình chỉ sử dụng chứng nhận Halal là việc GHC ra quyết định đình chỉ có thời hạn việc sử dụng Giấy chứng nhận Halal của tổ chức được chứng nhận. ***a) Các trường hợp sẽ đình chỉ:*** GHC sẽ	***5.7.3.4 Suspension of Halal certification*** Suspension of the use of Halal certification means the decision of GHC to suspend the use of the Halal Certificate of the certified organization for a definite period of time. a) Cases to be suspended: GHC will consider suspending the use of the Halal Certificate if

xem xét đình chỉ sử dụng Giấy chứng nhận Halal nếu tổ chức được chứng nhận có một số hoạt động/ hành vi sau đây:
+ Tạm dừng và có văn bản thông báo tạm dừng sản xuất trong đó có nêu rõ lý do và thời hạn sẽ tiến hành sản xuất trở lại.
+ Sử dụng dấu chứng nhận Halal trái với quy định của GHC;
+ Không bố trí đánh giá giám sát định kỳ đúng thời gian như đã thỏa thuận (tần suất không được quá 12 tháng/1 lần);
+ Không trả đầy đủ phí chứng nhận theo thỏa thuận hoặc trì hoãn trả phí chứng nhận.
+ Không duy trì điều kiện sản xuất của sản phẩm halal/điều kiện cung ứng dịch vụ Halal theo yêu cầu trong Tiêu chuẩn
+ Vi phạm các quy định chứng nhận Halal của GHC (chưa ở mức độ nghiêm trọng);
+ Có khiếu nại từ cá nhân, tổ chức sử dụng sản phẩm của khách hàng;
+ Có yêu cầu đình chỉ từ cơ quan quản lý nhà nước/Tổ chức công nhận/Cơ quan nước nhập khẩu sản phẩm Halal.

b) Thời hạn đình chỉ: Thời hạn đình chỉ hiệu lực chứng nhận Halal tối đa là 90 ngày cho đến khi GHC nhận được các báo cáo thực hiện hành động khắc phục phù hợp. Nếu trong thời gian 90 ngày, khách hàng không có các hành động khắc phục phù hợp hoặc công văn giải trình phù hợp thì chứng chỉ sẽ bị hủy bỏ hiệu lực và thu hồi vĩnh viễn.

c) Thủ tục đình chỉ chứng nhận:
- Phòng Điều phối chứng nhận dự thảo Quyết định đình chỉ hiệu lực chứng nhận (theo mẫu tại REG.01 - Quy định chung về chứng nhận Halal) tối đa không quá 03 tháng (90 ngày).
- Quyết định đình chỉ này phải đồng thời được gửi tới cơ quản quản lý nhà nước/ tổ chức công nhận/ Cơ quan nước nhập khẩu sản phẩm Halal để tiếp nhận thông tin.
- Sau khi GHC đưa ra quyết định đình chỉ chứng nhận, Phòng Điều phối chứng nhận có trách nhiệm:

the certified organization has a number of activities/behaviors as follows:
+ Suspend and issue a written notice of suspension of production, clearly stating the reason and time limit for resumption of production.
+ Using the Halal certification mark contrary to GHC's regulations;
+ Failing to arrange periodic surveillance Audit on time as agreed (the frequency must not exceed 12 months/1 time);
+ Failure to fully pay the certification fee as agreed or delay payment of the certification fee.
+ Failing to maintain the production conditions of halal products/conditions for providing Halal services as required in the Standards.
+ Violation of GHC's Halal certification regulations (not yet at a serious level);
+ There are complaints from individuals and organizations using customers' products;
+ There is a request for suspension from the state management agency/ accreditation bodies/ agency of the country importing Halal products.

b) ***Suspension period***: The maximum period of suspension of the validity of Halal certification is 90 days until GHC receives reports on the implementation of appropriate corrective actions. If within 90 days, the customer does not take appropriate corrective actions or an appropriate explanation letter, the certificate will be invalidated and permanently withdrawn.

c) Procedures for suspension of certification:
- The Certification Coordination Department shall draft a Decision on suspension of certification validity (according to the form in REG.01 - General regulations on Halal certification) for a maximum of 03 months (90 days).
- This suspension decision must be sent to the

+ Cập nhật trạng thái đình chỉ của khách hàng lên website GHC (https://halalghc.com); + Gửi Quyết định đình chỉ tới cơ quan có liên quan. + Yêu cầu khách hàng: Thông báo toàn bộ địa điểm bị đình chỉ (nếu liên quan) và không được tuyên bố trạng thái "được chứng nhận" kể từ ngày bị đình chỉ. - Khi GHC đã xác nhận được rằng khách hàng đã giải quyết các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, GHC sẽ: + Phục hồi hiệu lực chứng chỉ + Viết báo cáo bằng văn bản với các nội dung sau đây: Bằng chứng về việc mô tả các nguyên nhân của việc đình chỉ đã được giải quyết thỏa đáng như thế nào và báo cáo xác nhận việc phục hồi chứng chỉ + Nếu một chứng chỉ được phục hồi, Phòng Điều phối chứng nhận sẽ: Lưu quyết định phục hồi chứng chỉ trên cơ sở dữ liệu; Theo sát chương trình giám sát tăng cường trong thời gian tối thiểu là 1 năm sau khi phục hồi chứng chỉ. - Trong trường hợp phục hồi chứng chỉ đi kèm với thu hẹp chứng chỉ, GHC cũng sẽ thực hiện những thay đổi tương tự cần thiết để đảm bảo hệ thống tài liệu, các thông tin công khai, ... được cập nhật, tránh tình trạng phạm vi chứng nhận bị hiểu sai lệch. - Nếu khách hàng không thực hiện việc xác nhận tính hiệu quả của các hành động khắc phục giải quyết nguyên nhân đình chỉ trong khung thời gian quy định, GHC sẽ thu hồi, hủy bỏ chứng chỉ.	state management agency/ accreditation bodies/ agency of the country importing Halal products for information. - After GHC makes a decision to suspend the certification, the Certification Coordination Department is responsible for: + Update the customer's suspension status on the GHC website (https://halalghc.com); + Send the suspension decision to the relevant authorities agency. + Request customers: Notify the entire location to be suspended (if relevant) and not declare the status of "certified" from the date of suspension. - Once GHC has confirmed that the client has resolved the causes of the suspension, GHC will: + Recover the certificate validity + Write a written report with the following contents: Evidence describing how the reasons for the suspension have been satisfactorily resolved and a report confirming the recovery of the certificate + If a certificate is recovered, the Certification Coordination Department will: Save the decision to restore the certificate on the database; Closely follow the enhanced surveillance program for a minimum period of 1 year after recovering the certificate. - In case of certificate recovery accompanied by certificate reduction, GHC will also make the same changes necessary to ensure the documentation system, public information, etc. are updated, avoiding the situation that the scope of certification is misinterpreted. - If the customer fails to confirm the effectiveness of the remedial actions to resolve the cause of suspension within the prescribed time frame, GHC will withdraw and cancel the certificate.
5.7.3.5 Thu hồi/hủy bỏ hiệu lực chứng nhận Halal - Thu hồi chứng nhận phù hợp Quy chuẩn là việc GHC ra quyết định thu hồi Giấy chứng	***5.7.3.5 Withdrawal/ Cancellation of Halal certification*** - Withdrawal of the Certificate of Conformity with Regulations, standard means the

nhận phù hợp quy chuẩn đã cấp cho khách hàng và chấm dứt hiệu lực của chứng nhận;

a) Các trường hợp sẽ hủy bỏ/thu hồi: GHC sẽ xem xét thu hồi chứng nhận Halal đã cấp nếu tổ chức được chứng nhận không tuân thủ một trong các điều sau đây:

+ Không thực hiện các hành động khắc phục các nguyên nhân dẫn đến bị đình chỉ chứng nhận nêu ở mục 5.7.3.4 nêu trên.

+ Không trả phí chứng nhận theo thỏa thuận hoặc không thanh toán hết toàn bộ công nợ sau 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

+ Không bố trí đánh giá giám sát định kỳ như đã thỏa thuận mà không có văn bản thông báo lý do xin hoãn được GHC chấp nhận.

+ Không duy trì điều kiện sản xuất của sản phẩm halal/điều kiện cung ứng dịch vụ Halal và tiêu chí của sản phẩm Halal theo yêu cầu trong Tiêu chuẩn Halal dẫn tới ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc tuân thủ Luật Shariah, các nguyên tắc Halal của người Hồi giáo.

+ Có khiếu nại nghiêm trọng từ cá nhân, tổ chức sử dụng sản phẩm Halal/dịch vụ Halal của tổ chức được chứng nhận;

+ Vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực sản xuất sản phẩm và lĩnh vực sản phẩm Halal/dịch vụ halal theo thông tin từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan công nhận hoặc Cơ quan nước nhập khẩu sản phẩm Halal hoặc từ cơ quan điều tra/ cơ quan báo chí.

+ Có yêu cầu hủy bỏ hiệu lực chứng chỉ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan công nhận hoặc Cơ quan nước nhập khẩu sản phẩm Halal

b) Thủ tục hủy bỏ/thu hồi chứng chỉ chứng nhận Halal:

- Phòng Điều phối chứng nhận dự thảo Quyết định hủy bỏ hiệu lực chứng nhận theo mẫu tại REG.01 – Quy định chung về chứng nhận Halal.

- Quyết định hủy bỏ hiệu lực được gửi tới

issuance of a decision by GHC to withdraw the Certificate of Conformity with Regulations, standard issued to the customer and terminate the validity of the certificate;

a) ***Cases to be cancelled/withdrawn:*** GHC will consider withdrawing the issued Halal certification if the certified organization fails to comply with one of the following:

+ Failing to take actions to remedy the causes leading to the suspension of certification specified in Section 5.7.3.4 above.

+ Failing to pay the certification fee as agreed or failing to pay all debts after 03 months from the date of signing the contract.

+ Failing to arrange periodic surveillance audit as agreed without a written notice of the reason for the postponement accepted by GHC.

+ Failure to maintain the production conditions of halal products/conditions for the provision of Halal services and the criteria of Halal products as required in the Halal Standard, leading to a serious impact on compliance with Shariah Law and Halal principles of Muslims.

+ There are serious complaints from individuals and organizations using Halal products/Halal services of certified organizations;

+ Violating the provisions of the law related to the field of production of products and the field of Halal products/halal services according to information from state management agencies or accreditation bodies or agencies of the country importing Halal products or from investigation agencies/press agencies.

+ There is a request to cancelling the certificate validity from a state management agency or a accreditation body or the agency of the country importing Halal products

b) Procedures for cancellation/withdrawal of Halal certification certificates:

- The Certification Coordination Department

khách hàng và công bố trên trang web: https://halalghc.com, đồng thời được gửi tới từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan công nhận hoặc Cơ quan nước nhập khẩu sản phẩm Halal có liên quan.	drafts the Decision to withdrawing and cancelling the certification validity according to the form in REG.01 – General regulations on Halal certification. - The decision to cancel the validity is sent to the customer and published on the website: https://halalghc.com, and at the same time sent to the relevant state management agency or accreditation body or the agency of the country importing the Halal product.
5.8. BƯỚC 8: ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN LẠI	**5.8. STEP 8: RECERTIFICATION AUDIT**
5.8.3. Các thủ tục cần tuân thủ - Đánh giá chứng nhận lại là cuộc đánh giá được tiến hành trước khi chứng chỉ chứng nhận Halal hết hiệu lực. - Cơ sở đã được cấp chứng nhận Halal sắp hết hiệu lực nếu không gia hạn hiệu lực của chứng nhận sẽ không được phép sử dụng nhãn hiệu Halal tại cơ sở hoặc trên nhãn sản phẩm và trên bất kỳ tài liệu truyền thông, quảng bá nào. - Cơ sở đã được cấp chứng nhận Halal sắp hết hiệu lực phải nộp Đăng ký chứng nhận lại hoặc gia hạn tối thiểu trước sáu (06) tháng trước ngày chứng nhận Halal hiện tại hết hạn. - Cuộc đánh giá chứng nhận lại được hoạch định và tiến hành để xem xét đánh giá sự đáp ứng liên tục tất cả các yêu cầu liên quan đến tiêu chuẩn và phải được tiến hành trước khi chứng chỉ hết hiệu lực ít nhất 01 tháng. - Các thủ tục thực hiện đánh giá Tái chứng nhận tương tự như các Bước 1,2,3,4,5,6 nêu trong phụ lục này và trong lưu đồ chứng nhận	***5.8.3. Procedures to be followed*** - Recertification audit is an audit conducted before the Halal certification certificate expires. - Establishments that have been granted Halal certification that is about to expire if they do not extend the validity of the certification will not be allowed to use the Halal mark at the facility or on the product label and on any communication and promotional materials. - Establishments that have been granted Halal certification that is about to expire must submit a Recertification Registration or renew it six (06) months before the expiration date of the current Halal certification - The recertification audit is planned and conducted to review the ongoing compliance of all requirements related to the standard and must be conducted at least 01 month before the certificate expires. - The procedures for performing the Recertification audit are similar to Steps 1,2,3,4,5,6 in certification flowchart